UBND TỈNH HÀ TĨNH **SỞ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 487 /STTTT-CNTT V/v báo cáo kết quả rà soát, kết nối cung cấp dữ liệu lên Hệ thống giám sát, điều hành thông minh (IOC) của tỉnh	*Hà Tĩnh, ngày 28 tháng 4 năm 2022*

Kính gửi: Uỷ ban nhân dân tỉnh

Thực hiện Quyết định số 487/QĐ-UBND ngày 01/3/2022 của UBND tỉnh về việc thành lập Tổ công tác rà soát và kết nối các cơ sở dữ liệu vào Hệ thống Giám sát và Điều hành thông minh (IOC) tỉnh Hà Tĩnh và chỉ đạo của Lãnh đạo UBND tỉnh, Sở Thông tin và Truyền thông đã chủ trì, phối hợp với Văn phòng UBND tỉnh, Viễn thông Hà Tĩnh tổ chức thực hiện Kế hoạch số 66/KH-UBND ngày 12/3/2021 về triển khai Hệ thống giám sát và điều hành thông minh (IOC) và các văn bản chỉ đạo khác của UBND tỉnh[1]; đồng thời tổ chức làm việc với Viễn thông Hà Tĩnh và các cơ quan liên quan để soát xét kết quả hiện có. Đến nay, Sở Thông tin và Truyền thông báo cáo UBND tỉnh kết quả triển khai cụ thể như sau:

I. Kết quả triển khai Hệ thống IOC của tỉnh

1. Trang thiết bị tại phòng IOC

- Về cải tạo phòng IOC: Văn phòng UBND tỉnh đã chỉnh sửa lại phòng họp thành phòng IOC, dựng khung giá để lắp đặt màn hình.

- Về trang thiết bị cho hệ thống IOC: Viễn thông Hà Tĩnh đã lắp đặt hoàn chỉnh hệ thống 9 màn hình LED, đường truyền tốc độ cao tại phòng IOC, hỗ trợ 03 bộ máy tính điều khiển hệ thống và kết nối hiển thị đảm bảo tiêu chuẩn kỹ thuật.

2. Các phân hệ trên nền tảng IOC của tỉnh

Hiện nay, thực hiện theo Kế hoạch số 66/KH-UBND và các văn bản liên quan của UBND tỉnh, Hệ thống IOC của tỉnh có các phân hệ giám sát, điều hành như sau:

- Giám sát, điều hành chỉ tiêu kinh tế - xã hội;

---

[1] Các văn bản: Số 4028/UBND-PC_1 ngày 25/6/2021 về việc đôn đốc triển khai kết nối đồng bộ dữ liệu vào Hệ thống IOC của tỉnh; số 4548/UBND-PC_1 ngày 15/7/2021 về việc thực hiện kết nối, cung cấp thông tin camera, dữ liệu lên Hệ thống IOC tỉnh; số 6155/UBND-NC2 ngày 20/9/2021 về việc thực hiện kết nối, tích hợp các hệ thống thông tin, dữ liệu, camera giám sát,... lên Hệ thống IOC tỉnh số 7418/UBND-NC2 ngày 05/11/2021 về việc triển khai tích hợp hệ thống camera giám sát vào Hệ thống IOC của tỉnh; số 800/UBND-NC_2 ngày 22/02/2022 về việc tích hợp hệ thống camera giám sát giao thông, an ninh trật tự vào Hệ thống IOC của tỉnh.

- Giám sát lĩnh vực Hành chính công;

- Giám sát lĩnh vực điều hành văn bản;

- Giám sát lĩnh vực Giáo dục;

- Giám sát lĩnh vực Y tế;

- Giám sát lĩnh vực văn hóa du lịch và lưu trú;

- Giám sát Camera giám sát;

- Bản đồ số ngành Công thương.

3. Các phân hệ trên App IOC của tỉnh:

Hiện tại đang triển khai 6 phân hệ: Kinh tế xã hội, Hành chính công, Quản lý Văn bản, Y tế, Giáo dục, Lưu trú. Cơ sở dữ liệu từ App IOC sẽ được đồng bộ cùng hệ thống hiển thị IOC.

(Kết quả triển khai chi tiết có Phụ lục 1 kèm theo).

II. Các đề xuất của các đơn vị trong quá trình triển khai

1. Sở Y tế

- Đề nghị bỏ chức năng liên kết "Bản đồ thông tin nhà thuốc, quầy thuốc" vì lý do: Hiện nay Phần mềm Hệ thống Y tế cộng đồng (Medcom) phía công ty phần mềm không hỗ trợ triển khai nữa và không có quy định bắt buộc triển khai nên các đơn vị không còn cập nhật thông tin.

- Đề nghị bỏ chức năng liên kết "Bản đồ thông tin dịch tễ Covid 19" do thông tin không còn cập nhật.

2. Sở Giáo dục và Đào tạo

Hiện tại hệ thống cơ sơ dữ liệu ngành đang được sao chép từ cở sở dữ liệu ngành của Bộ Giáo dục và Đào tạo qua IOC bằng phương pháp kết xuất file Excel. Vì vậy, đề nghị xem xét triển khai kết nối Hệ thống IOC của tỉnh với cơ sở dữ liệu ngành Giáo dục của tỉnh đang chuẩn bị triển khai.

III. Các nội dung vướng mắc trong quá trình triển khai

- Kết nối phần mềm 'Hệ thống cơ sở dữ liệu đập hồ chứa và phần mềm hỗ trợ ra quyết định điều hành các hồ chứa' do Viện khoa học Thủy Lợi - Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn triển khai, chưa được cấp quyền kết nối lên IOC.

- Kết nối camera tại Hồ Ngàn Trươi: Đây là camera thuộc sự quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, chưa được cấp quyền kết nối của hệ thống camera.

- Kết nối camera tại Hồ Kẻ Gỗ và Cảng Vũng Áng: Đã hoàn thành khảo sát đang hoàn thiện phương án thiết kế nhằm bảo đảm hệ thống vận hành ổn định trong điều kiện mưa bão để trình UBND tỉnh.

- Kết nối camera giao thông của tuyến đường chính: Hiện đã ra khảo sát và làm việc với Phòng Cảnh sát giao thông của Công an tỉnh, tuy nhiên để kết nối phải được sự đồng ý của Cục Cảnh sát giao thông, đến nay chưa thể kết nối được để lấy tín hiệu về hệ thống IOC của tỉnh. Riêng các hệ thống Camera của tỉnh triển khai, đã kết nối đồng bộ lên IOC 04 cụm camera giám sát an toàn giao thông tại các điểm chính của huyện Cẩm Xuyên và 06 cụm camera giám sát an toàn trật tự đô thị tại các điểm trọng tâm trên địa bàn thành phố Hà Tĩnh.

- Hệ thống camera tại Trung tâm hành chính công cấp huyện đã kết nối đầy đủ, nhưng một số đơn vị chưa đảm bảo ổn định để việc giám sát được liên tục. Cụ thể: Các camera tại Trung tâm Hành chính công các huyện Hương Sơn, Đức Thọ, Vũ Quang, Nghi Xuân, Kỳ Anh có phát sinh lỗi kết nối, nguyên nhân là do chuyển địa điểm, thiết bị lỗi, kết nối gặp trục trặc,... Đề nghị các đơn vị sớm phối hợp với Viễn thông Hà Tĩnh để kết nối lại.

- Camera giám sát rừng của Chi cục Kiểm lâm chỉ còn lại 01 thiết bị hoạt động do thiết bị đang phát sinh lỗi.

IV. Đề xuất kiến nghị với UBND tỉnh

Trên cơ sở kết quả rà soát kết nối các dữ liệu, hệ thống thông tin lên hệ thống IOC của tỉnh và bộ dữ liệu phục vụ lãnh đạo điều hành do các cơ quan đề xuất, Sở Thông tin và Truyền thông kính đề nghị UBND tỉnh:

1. Thống nhất các thông tin, dữ liệu, số liệu của các ngành, lĩnh vực được tích hợp lên hệ thống IOC của tỉnh, đồng thời phê duyệt hoàn thành giai đoạn triển khai thí điểm hệ thống IOC của tỉnh theo Kế hoạch số 66/KH-UBND ngày 12/3/2021 của UBND tỉnh.

2. Xem xét, thống nhất Bộ dữ liệu (*danh mục các trường dữ liệu báo cáo và tần suất cập nhật*) phục vụ giám sát, điều hành tích hợp lên hệ thống IOC của tỉnh *(như Phụ lục 2 kèm theo)*. Chỉ đạo các cơ quan chuyên môn có liên quan phối hợp với đơn vị quản trị, vận hành thực hiện việc cập nhật các thông tin, dữ liệu lên các hệ thống thông tin đang được tích hợp với hệ thống IOC của tỉnh theo Bộ dữ liệu đề xuất. Do một số dữ liệu chưa có Hệ thống thông tin chuyên ngành nên đề xuất bổ sung các mẫu báo cáo chuyên ngành vào hệ thống thông tin báo cáo của UBND tỉnh để đồng bộ lên hệ thống IOC.

3. Căn cứ Nghị quyết số 27/NQ-HĐND ngày 06/11/2021 của HĐND tỉnh Quyết định chủ trương đầu tư và và điều chỉnh đầu tư một số dự án đầu tư công trên địa bàn tỉnh (Phụ lục 08); Điểm b Khoản 1 Điều 2 Quyết định số 325/QĐ-

VPUB ngày 26/7/2021 của Văn phòng UBND tỉnh Ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Trung tâm Công báo - Tin học tỉnh, đề nghị UBND tỉnh Giao Văn phòng UBND tỉnh phối hợp Viễn thông Hà Tĩnh tiếp nhận, chuyển giao quản trị, vận hành hệ thống để bảo đảm tính đồng bộ, thường xuyên, phù hợp với yêu cầu của Lãnh đạo UBND tỉnh trong công tác chỉ đạo, điều hành.

4. Giao Văn phòng UBND tỉnh chủ trì, phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông nghiên cứu, lập Đề án triển khai Trung tâm Giám sát và Điều hành thông minh của tỉnh (IOC) cho giai đoạn tiếp theo.

Sở Thông tin và Truyền thông báo cáo và kính đề nghị UBND tỉnh xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- VP UBND tỉnh;
- Viễn thông Hà Tĩnh;
- Lãnh đạo Sở;
- Lưu: VT, CNTT$_2$.

GIÁM ĐỐC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
SỞ THÔNG TIN & TRUYỀN THÔNG
TỈNH HÀ TĨNH

Đậu Tùng Lâm

PHỤ LỤC
Chi tiết các phân hệ đang được triển khai trên hệ thống giám sát và điều hành thông minh (IOC) của tỉnh
(Kèm theo Công văn số /STTTT-CNTT ngày /4/2022 của Sở TTTT)

1. Các phân hệ trên nền tảng IOC của tỉnh

1.1. Giám sát, điều hành chỉ tiêu kinh tế - xã hội

- Kế hoạch phát triển KTXH theo nghị quyết HĐNH tỉnh

Nguồn số liệu được lấy từ 'Nghị quyết HĐND về kế hoạch phát triển KTXH hàng năm' và được đưa vào từ file excel, gồm các trường số liệu:

+ Các chỉ tiêu về kinh tế: Kế hoạch tăng trưởng GRDP, Tổng vốn đầu tư toàn xã hội, Tốc độ tăng trưởng GDP cả nước;

+ Các chỉ tiêu văn hóa - xã hội: Giảm tỷ lệ hộ nghèo còn, Số bác sỹ trên vạn dân, Tỷ lệ lao động được đào tạo, Tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế, Tỷ lệ gia đình đạt tiêu chuẩn văn hóa, Tỷ lệ cơ quan đạt tiêu chuẩn văn hóa;

+ Thu ngân sách trên địa bàn: Tổng thu ngân sách, Thu nội địa, Thu xuất nhập khẩu;

+ Phát triển kinh tế: GRDP bình quân đầu người, Tổng kim ngạch xuất khẩu của tỉnh, Ổn định chính trị - ANTT;

+ Các chỉ tiêu môi trường – nông thôn mới: Thêm số xã đạt chuẩn NTM, Thêm số xã đạt chuẩn NTM kiểu mẫu, Thêm số xã đạt chuẩn NTM nâng cao, Thêm số huyện đạt chuẩn NTM, Tỷ lệ dân cư nông thôn được dùng nước hợp vệ sinh, Tỷ lệ che phủ rừng, Tỷ lệ thu gom chất thải rắn.

- Giám sát thực hiện các chỉ tiêu trọng tâm phát triển KTXH

Nguồn dữ liệu được lấy tự động từ hệ thống Báo cáo động của tỉnh được sở Kế hoạch đầu tư cập nhật lên hệ thống, gồm các trường số liệu:

+ Tình hình thu NSNN trên địa bàn: Dự toán HĐND giao, Tỷ lệ thực hiện, thực hiện từng tháng, Trong tháng, Lũy kế;

+ Tình hình chi ngân sách địa phương: Dự toán HĐND giao, Tỷ lệ thực hiện, thực hiện từng tháng, Trong tháng, Lũy kế;

+ Tổng kim ngạch xuất khẩu: Dự toán HĐND giao, Tỷ lệ thực hiện, thực hiện từng tháng, Trong tháng, Lũy kế;

+ Tình hình giải ngân vốn đầu tư công: Dự toán HĐND giao, Tỷ lệ thực hiện, thực hiện từng tháng, Trong tháng, Lũy kế;

+ Tổng kim ngạch nhập khẩu: Dự toán HĐND giao, Tỷ lệ thực hiện, thực hiện từng tháng, Trong tháng, Lũy kế;

+ Đăng ký doanh nghiệp: Dự toán HĐND giao, Tỷ lệ thực hiện, thực hiện từng tháng, Trong tháng, Lũy kế.

- Theo dõi chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI)

Nguồn dữ liệu được tự động lấy từ trang http://pcivietnam.vn, gồm các trường số liệu:

+ Xếp hạng: Nhóm xếp hạng năm 2020, Xếp hạng năm 2020, Điểm số năm 2020, Xếp hạng cao nhất, Điểm số cao nhất, Xếp hạng thấp nhất, Điểm số thấp nhất;

+ Chỉ số PCI theo năm: từ 2006 đến 2020;

+ Tương quan giữa điểm số và xếp hạng theo năm: từ 2006 đến 2020;

+ Theo dõi các chỉ số thành phần: 05 nhóm đầu;

+ Chỉ số PCI theo năm: 05 nhóm cuối.

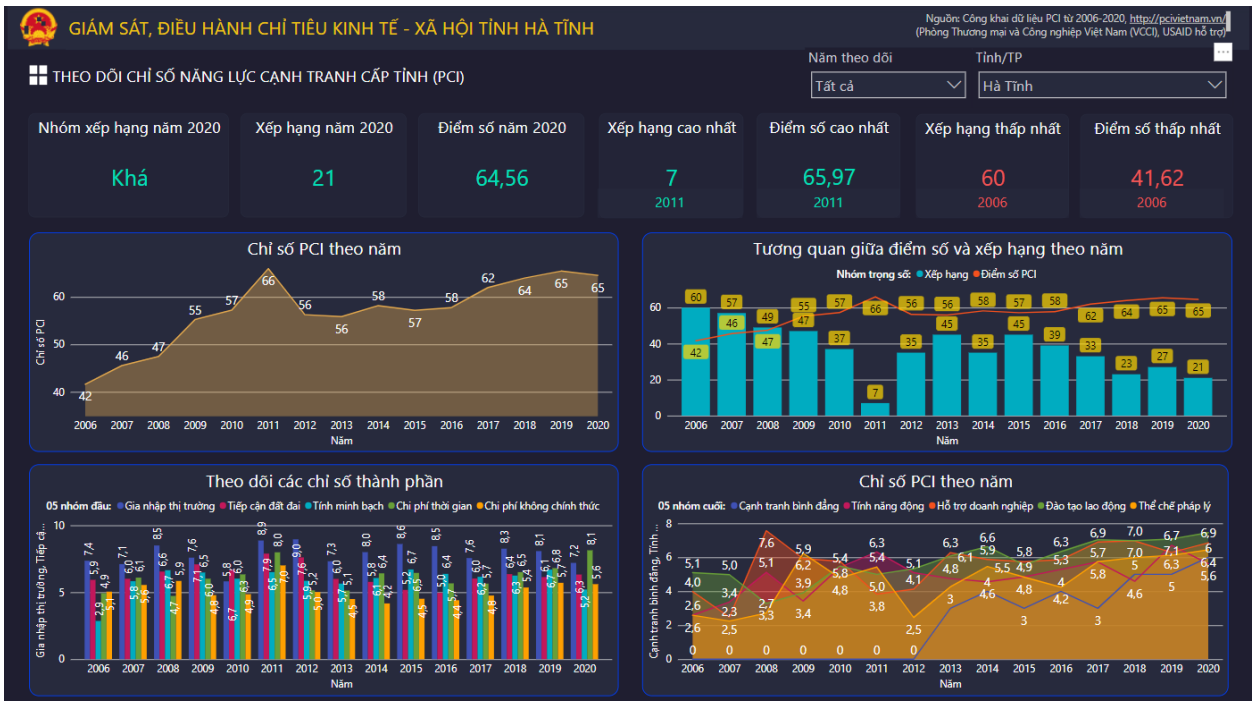

- Theo dõi chỉ số hiệu quả quản trị và HCC cấp tỉnh (PAPI)

Nguồn dữ liệu được tự động lấy từ trang http://papi.org.vn, gồm các trường số liệu:

+ Chỉ số PAPI theo năm;

+ Theo dõi biến động các chỉ số thành phần: Tham gia của người dân ở cấp cơ sở, Công khai minh bạch, Trách nhiệm giải trình với người dân, Kiểm soát tham nhũng trong khu vực công, Thủ tục hành chính công, Cung ứng dịch vụ công;

+ Đánh giá các chỉ số thành phần PAPI: Tham gia của người dân ở cấp cơ sở, Công khai minh bạch, Trách nhiệm giải trình với người dân, Kiểm soát tham nhũng trong khu vực công, Thủ tục hành chính công, Cung ứng dịch vụ công.

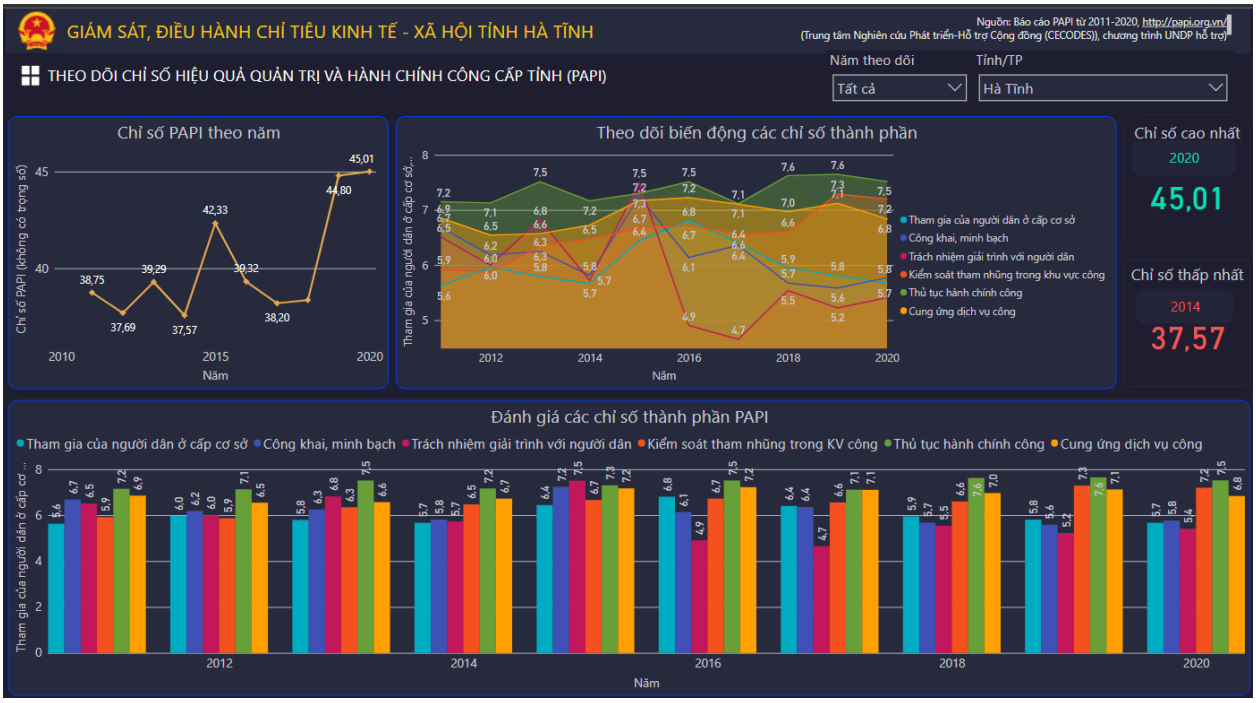

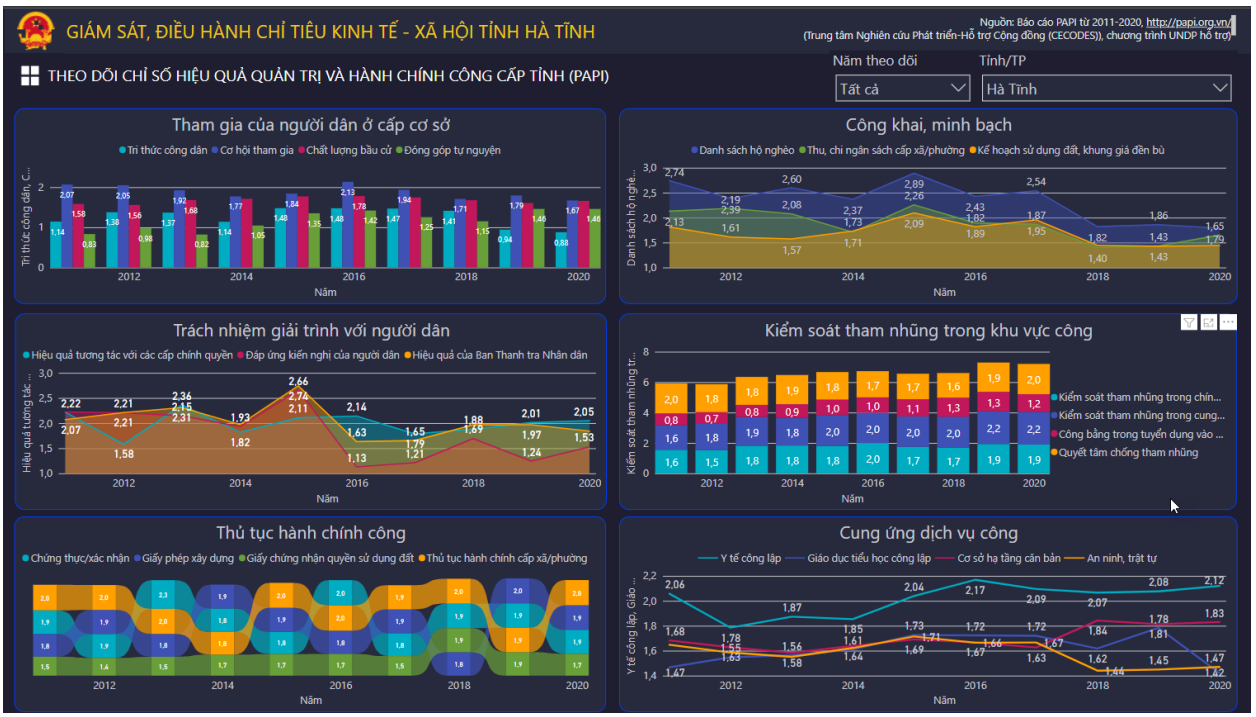

- Theo dõi chỉ số phát triển CNTT và truyền thông (ICT Index)

Nguồn dữ liệu được tự động lấy từ ‘Báo cáo Vietnam ICT index 2016-2019’, gồm các trường số liệu:

+ Chỉ số chung: Xếp hạng, Xếp hạng cao nhất, Chỉ số ICT Index, Chỉ số thành phần cao nhất, Chỉ số thành phần thấp nhất;

+ Xếp hạng qua các năm;

+ Chỉ số ICT Index qua các năm;

+ Tương quan giữa ICT Index và các chỉ số thành phần;

+ Nhân lực CNTT: Chỉ số HTNL của XH, Chỉ số HTNL của CQNN;

+ Chỉ số ứng dụng CNTT: Chỉ số ứng dụng CNTT của các CQNN, chỉ số dịch vụ công trực tuyến;

+ Chỉ số HTKT qua các năm: Chỉ số HTKT của xã hội, Chỉ số HTKT của CQNN.

- Công khai dự toán cân đối ngân sách địa phương

Nguồn số liệu được cung cấp từ Sở Tài chính, gồm các trường dữ liệu:

+ Cơ cấu nguồn thu ngân sách địa phương: Thu bổ sung từ NSTW, Ngành thuế thu và thu khác các cấp ngân sách, Dự kiến thu các nhiệm vụ chưa chi chuyển nguồn sang năm sau, thu vay;

+ Cơ cấu chi ngân sách địa phương: Chi thường xuyên, Chi đầu tư phát triển, Hỗ trợ các đô thị và thực hiện các nhiệm vụ khác, Chi các nhiệm vụ từ thu chuyển nguồn năm trước, Chi dự phòng ngân sách, Chi trả nợ vay đến hạn, Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính;

+ Các khoản thu bổ sung từ nguồn ngân sách trung ương: Thu bổ sung cân đối, Thu bổ sung có mục tiêu;

+ Các khoản chi đầu tư phát triển: Chi xây dựng cơ bản vốn đầu tư trong nước, Chi đầu tư từ nguồn để lại theo chế độ quy định, Chi từ nguồn bội chi;

+ Dự toán thu NSNN giao cho các huyện, thành phố, thị xã;

+ Dự toán tổng chi cân đối ngân sách địa bàn.

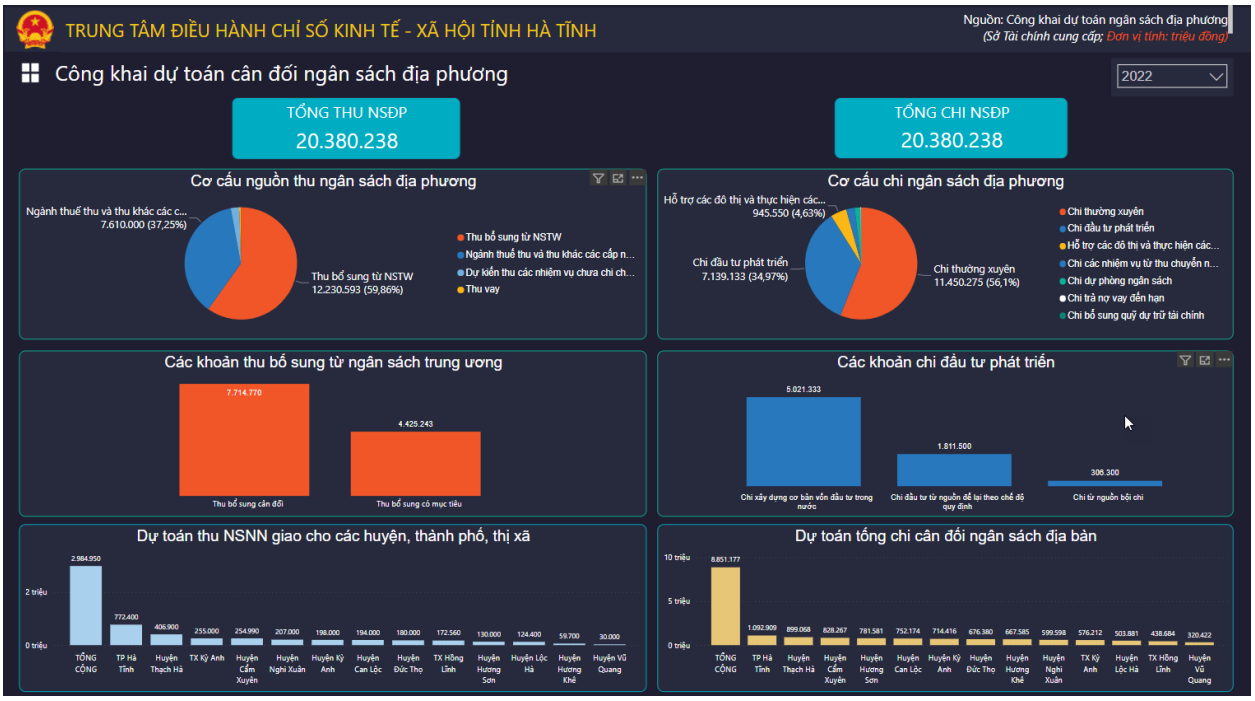

- Công khai dự toán thu chi ngân sách địa phương

Nguồn số liệu được cung cấp từ Sở Tài chính, gồm các trường dữ liệu:

+ Cơ cấu dự toán thu NSNN trên địa bàn: Thu nội địa, Thu từ hoạt động xuất khẩu nhập khẩu;

+ Cơ cấu dự toán chi ngân sách địa phương: Dự kiến chi các nhiệm vụ của tỉnh thu chuyển nguồn năm trước, Chi đầu tư phát triển, Chi thường xuyên;

+ Chi tiết dự toán thu ngân sách nội địa;

+ Chi tiết dự toán chi đầu tư phát triển;

+ Dự toán 5 nguồn thu ngân sách nội địa chính;

+ Dự toán 10 nguồn chi thường xuyên chính;

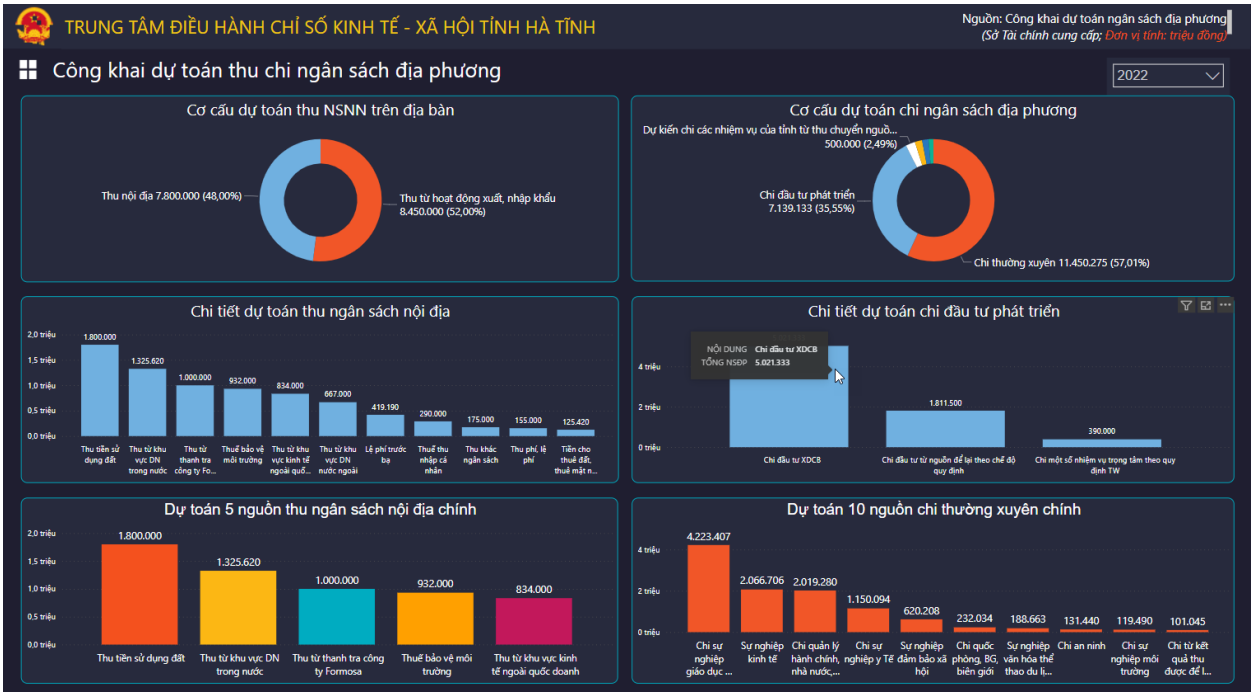

- Tình hình thực hiện ngân sách.

Nguồn số liệu được cung cấp từ Sở Tài chính, gồm các trường dữ liệu:

+ Cân đối ngân sách: Tổng thu NSNN, Tổng thu ngân sách địa phương;

+ Tình hình thực hiện thu chi ngân sách trên địa bàn: Thu NSNN trên địa bàn, Chi cân đối NSĐP;

+ Tình hình thực hiện thu ngân sách: Thu nội địa, Thu hải quan;

+ Tình hình thực hiện chi ngân sách: Chi cân đối NSNN, Chi bổ sung NS.

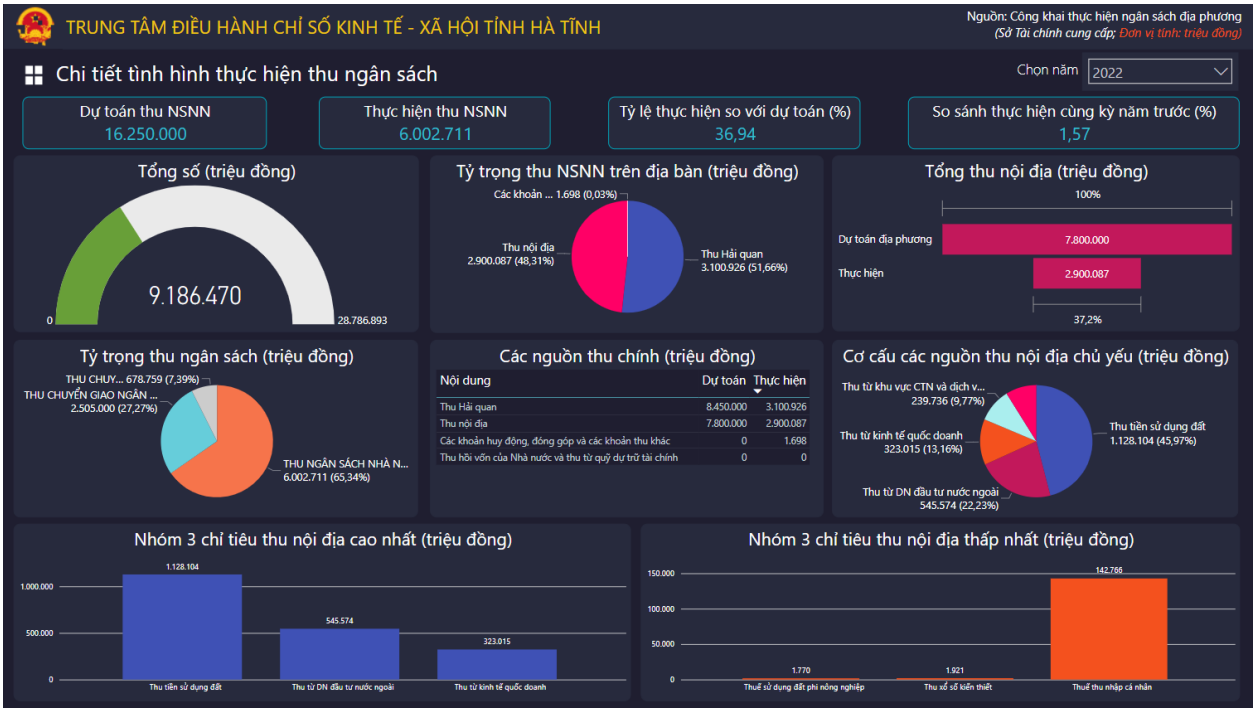

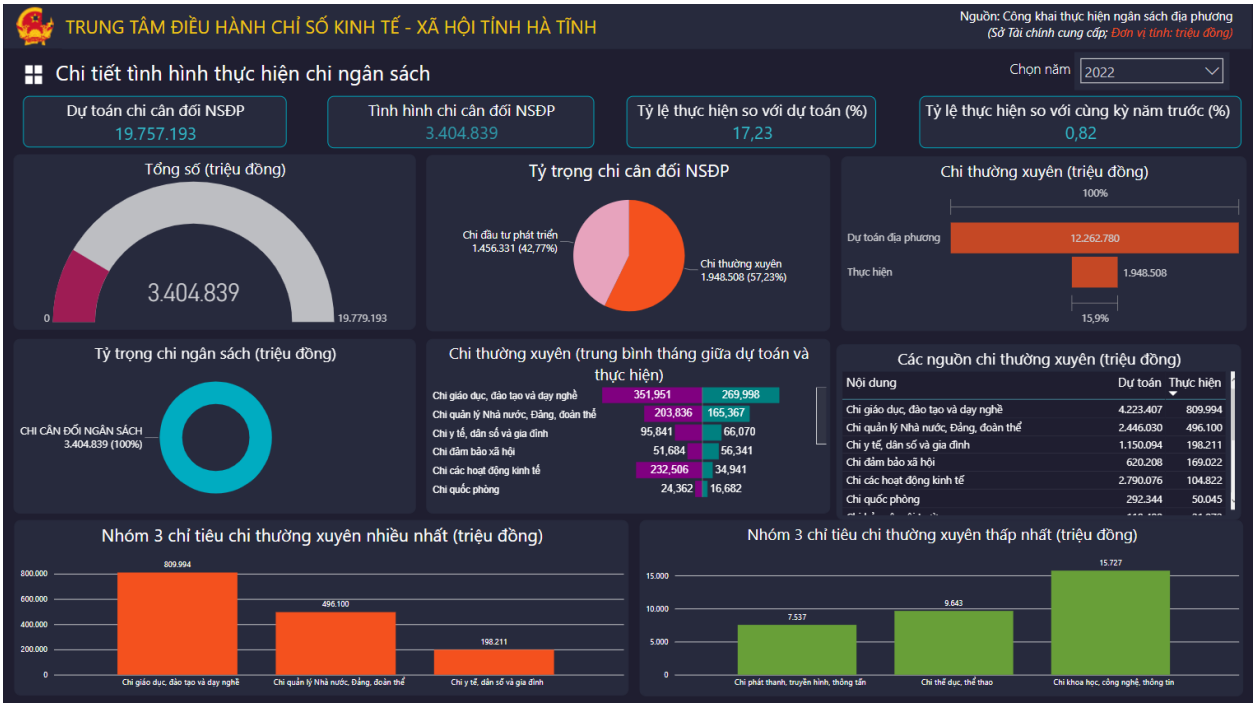

- Tình hình đăng ký kinh doanh

Nguồn số liệu được cung cấp từ Sở Kế hoạch Đầu tư, gồm các trường dữ liệu:

+ Số doanh nghiệp đơn vị trực thuộc trên hệ thống;

+ Doanh nghiệp, Chi nhánh, Văn phòng, Địa điểm đang hoạt động;

+ Số doanh nghiệp lập mới: Tuần, Tháng, Năm;

+ Doanh nghiệp tạm dừng kinh doanh, cảnh báo vi phạm;

+ Doanh nghiệp giải thể, tạm ngừng đầu năm.

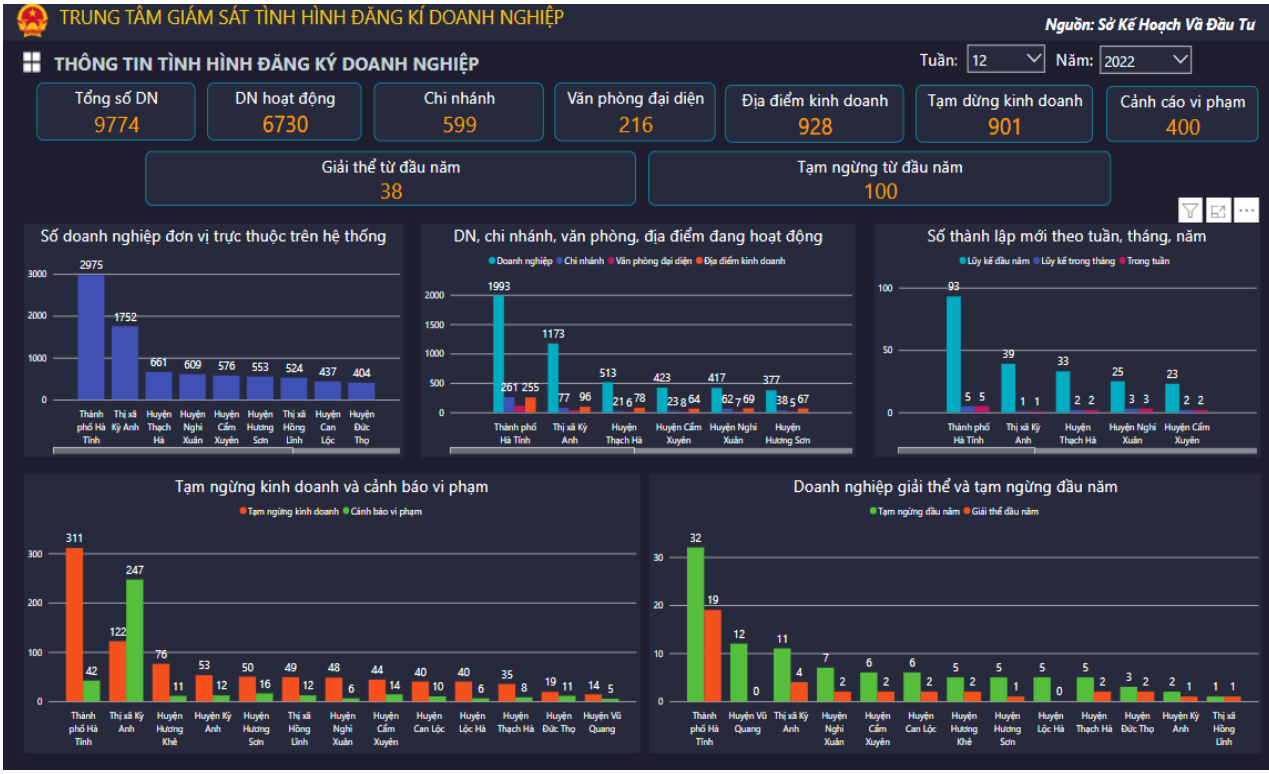

- Tình hình đăng ký hợp tác xã, hộ kinh doanh, tổ hợp tác

Nguồn số liệu được cung cấp từ Sở Kế hoạch Đầu tư, gồm các trường dữ liệu:

+ Số hộ có đăng ký kinh doanh: Tổng số hộ có ĐKKD, Số hộ ĐKKD mới từ đầu năm đến kỳ báo cáo;

+ Số tổ hợp tác theo địa bàn: Tổng số tổ hợp tác, Số tổ hợp tác thành lập mới từ đầu năm đến kỳ báo cáo;

+ Số hợp tác xã theo địa bàn: Tổng số hợp tác xã, Hợp tác xã đang hoạt động, Số hợp tác xã ngừng hoạt động (theo kết quả rà soát);

+ Tình trạng số hợp tác xã ngừng hoạt động theo địa bàn: Số hợp tác xã ngừng hoạt động chờ giải thể, Số hợp tác xã đang tiếp tục cũng cố hồ sơ xin hoạt động trở lại.

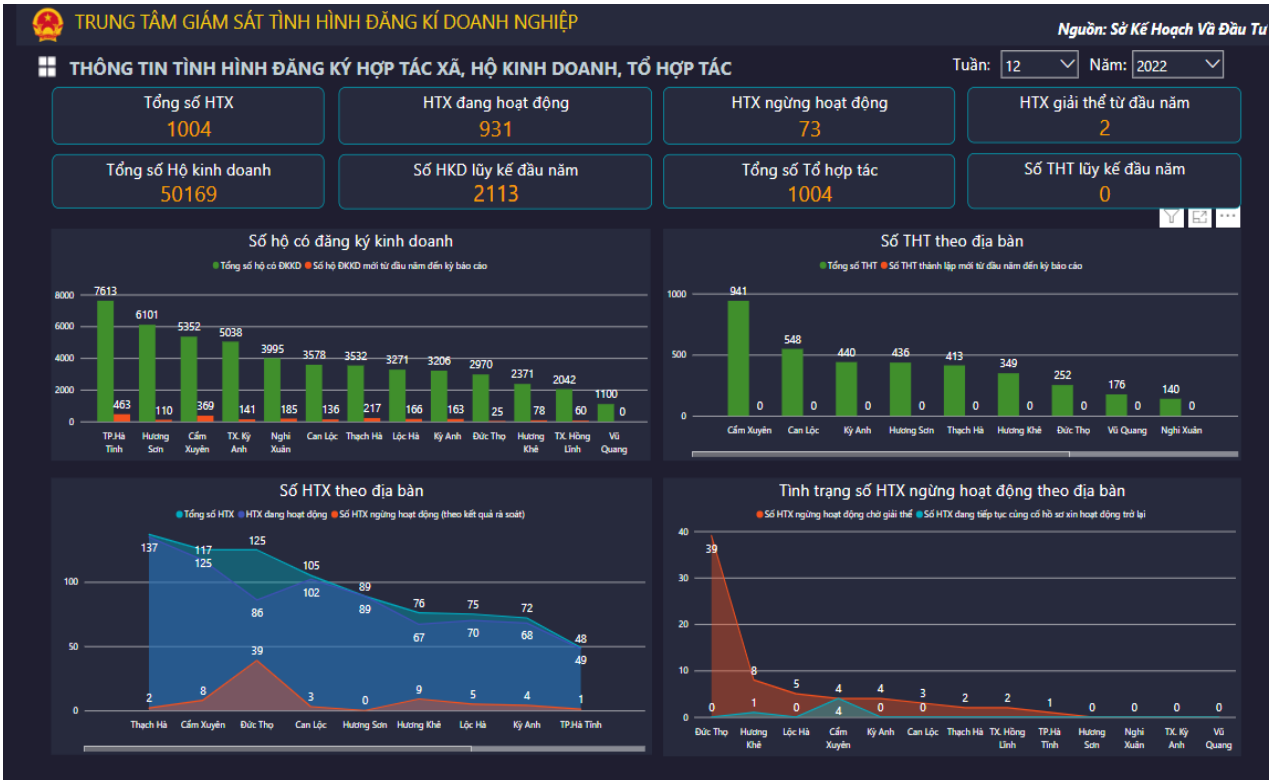

- Tình hình phát triển KTXH hàng tháng

Nguồn số liệu được cung cấp từ Cục Thống kê, gồm các trường dữ liệu:

+ Vốn đầu tư từ nguồn ngân sách nhà nước;

+ Chỉ số giá tiêu dùng, giá vàng và Đô la Mỹ;

+ Chỉ số sản xuất công nghiệp;

+ Vận tải hành khách và hàng hóa;

+ Doanh thu thương mại, dịch vụ và du lịch;

+ Trật tự an toàn xã hội.

GIÁM SÁT, ĐIỀU HÀNH CHỈ TIÊU KINH TẾ - XÃ HỘI TỈNH HÀ TĨNH
Nguồn: Báo cáo tình hình KT-XH (Cục Thống kê)
Điều hành tình hình phát triển kinh tế xã hội hàng tháng
Tháng báo cáo 2
Năm báo cáo 2022
VỐN ĐẦU TƯ TỪ NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC (Tỷ đồng)
Tổng số vốn ngân sách nhà nước 293.81
Vốn ngân sách Nhà nước cấp tỉnh 230.54
Vốn trung ương hỗ trợ đầu tư 137.51
Vốn nước ngoài (ODA) 15.50
Vốn ngân sách Nhà nước cấp huyện 59.13
CHỈ SỐ GIÁ TIÊU DÙNG, GIÁ VÀNG VÀ ĐÔ LA MỸ (%)
Chỉ số giá tiêu dùng chung 101.44
Thiết bị và đồ dùng gia đình 99.96
100.00
Chỉ số giá vàng 101.72
Chỉ số giá đô la Mỹ 100.08
CHỈ SỐ SẢN XUẤT CÔNG NGHIỆP (%)
Cung cấp nước, quản lý và xử lý rác thải 96.67
Sản xuất và phân phối điện, khí đốt 63.00
Công nghiệp chế biến chế tạo 103.17
Công nghiệp khai khoáng 115.29
Chỉ số sản xuất toàn ngành công nghiệp 95.19
VẬN TẢI HÀNH KHÁCH VÀ HÀNG HÓA
Doanh thu vận tải hành khách (Tỷ đồng) 54.23
Doanh thu vận tải hàng hóa (Tỷ đồng) 205.57
Doanh thu DV hỗ trợ vận tải (Tỷ đồng) 67.54
Vận chuyển hành khách (Nghìn HK) 632.29
Vận chuyển hàng hóa (Nghìn tấn) 2.448.16
DOANH THU THƯƠNG MẠI, DỊCH VỤ VÀ DU LỊCH (Tỷ đồng)
Tổng bán lẻ hàng hoá 3.719.57
Lương thực, thực phẩm 1.716.38
Gỗ và vật liệu xây dựng 170.24
Doanh thu dịch vụ ăn uống 214.10
Doanh thu dịch vụ lưu trú 6.71
TRẬT TỰ, AN TOÀN XÃ HỘI
Số vụ tai nạn giao thông (Vụ) 8
Số người chết (Người) 7
Số người bị thương (Người) 6
Số vụ cháy, nổ (Vụ) 3
Tổng thiệt hại cháy, nổ ước tính (Triệu đồng) 200

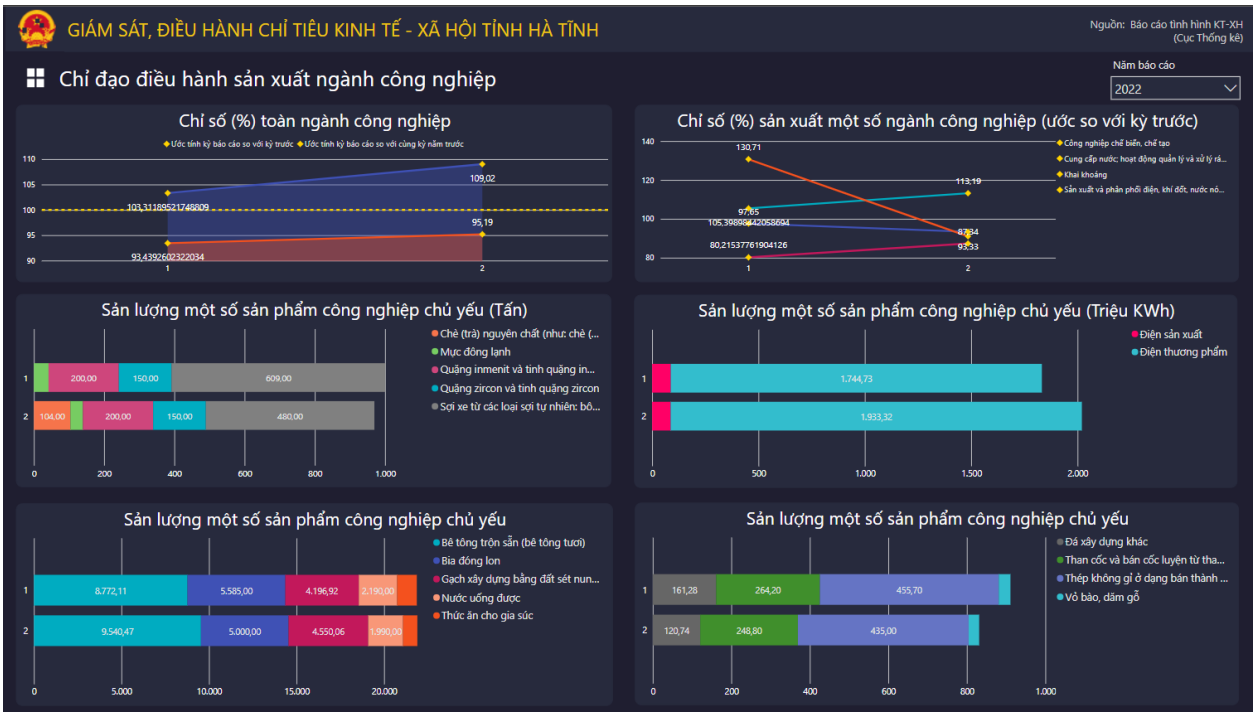
GIÁM SÁT, ĐIỀU HÀNH CHỈ TIÊU KINH TẾ - XÃ HỘI TỈNH HÀ TĨNH
Nguồn: Báo cáo tình hình KT-XH (Cục Thống kê)
Chỉ đạo điều hành sản xuất ngành công nghiệp
Năm báo cáo 2022
Chỉ số (%) toàn ngành công nghiệp
Ước tính kỳ báo cáo so với kỳ trước
Ước tính kỳ báo cáo so với cùng kỳ năm trước
103,31189521748809
109,02
95,19
93,43926023222034
Chỉ số (%) sản xuất một số ngành công nghiệp (ước so với kỳ trước)
Công nghiệp chế biến, chế tạo
Cung cấp nước; hoạt động quản lý và xử lý rá...
Khai khoáng
Sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nô...
130,71
113,19
97,65
105,39898642058694
87,34
80,21537761904126
93,33
Sản lượng một số sản phẩm công nghiệp chủ yếu (Tấn)
Chè (trà) nguyên chất (như: chè (...
Mực đông lạnh
Quặng inmenit và tinh quặng in...
Quặng zircon và tinh quặng zircon
Sợi xe từ các loại sợi tự nhiên: bô...
200,00
150,00
609,00
104,00
200,00
150,00
480,00
Sản lượng một số sản phẩm công nghiệp chủ yếu (Triệu KWh)
Điện sản xuất
Điện thương phẩm
1.744,73
1.933,32
Sản lượng một số sản phẩm công nghiệp chủ yếu
Bê tông trộn sẵn (bê tông tươi)
Bia đóng lon
Gạch xây dựng bằng đất sét nun...
Nước uống được
Thức ăn cho gia súc
8.772,11
5.585,00
4.196,92
2.190,00
9.540,47
5.000,00
4.550,06
1.990,00
Sản lượng một số sản phẩm công nghiệp chủ yếu
Đá xây dựng khác
Than cốc và bán cốc luyện từ tha...
Thép không gỉ ở dạng bán thành ...
Vỏ bào, dăm gỗ
161,28
264,20
455,70
120,74
248,80
435,00

GIÁM SÁT, ĐIỀU HÀNH CHỈ TIÊU KINH TẾ - XÃ HỘI TỈNH HÀ TĨNH
Nguồn: Báo cáo tình hình KT-XH (Cục Thống kê)
Chỉ đạo điều hành tình hình vốn đầu tư thực hiện từ nguồn NSNN
Năm báo cáo
2022
Vốn ngân sách Nhà nước cấp tỉnh (Tỷ đồng)
369,11
230,54
Vốn ngân sách Nhà nước cấp huyện (Tỷ đồng)
69,81
59,13
Vốn ngân sách Nhà nước cấp xã (Tỷ đồng)
10,62
4,14
Chi tiết vốn ngân sách Nhà nước cấp tỉnh (Tỷ đồng)
Vốn cân đối ngân sách tỉnh
Vốn nước ngoài (ODA)
Vốn trung ương hỗ trợ đầu...
110,48
238,11
77,53
137,51
Chi tiết vốn ngân sách Nhà nước cấp huyện (Tỷ đồng)
Vốn cân đối ngân sách huyện
69,81
59,13
Chi tiết vốn ngân sách Nhà nước cấp xã (Tỷ đồng)
Vốn cân đối ngân sách xã
10,62
4,14

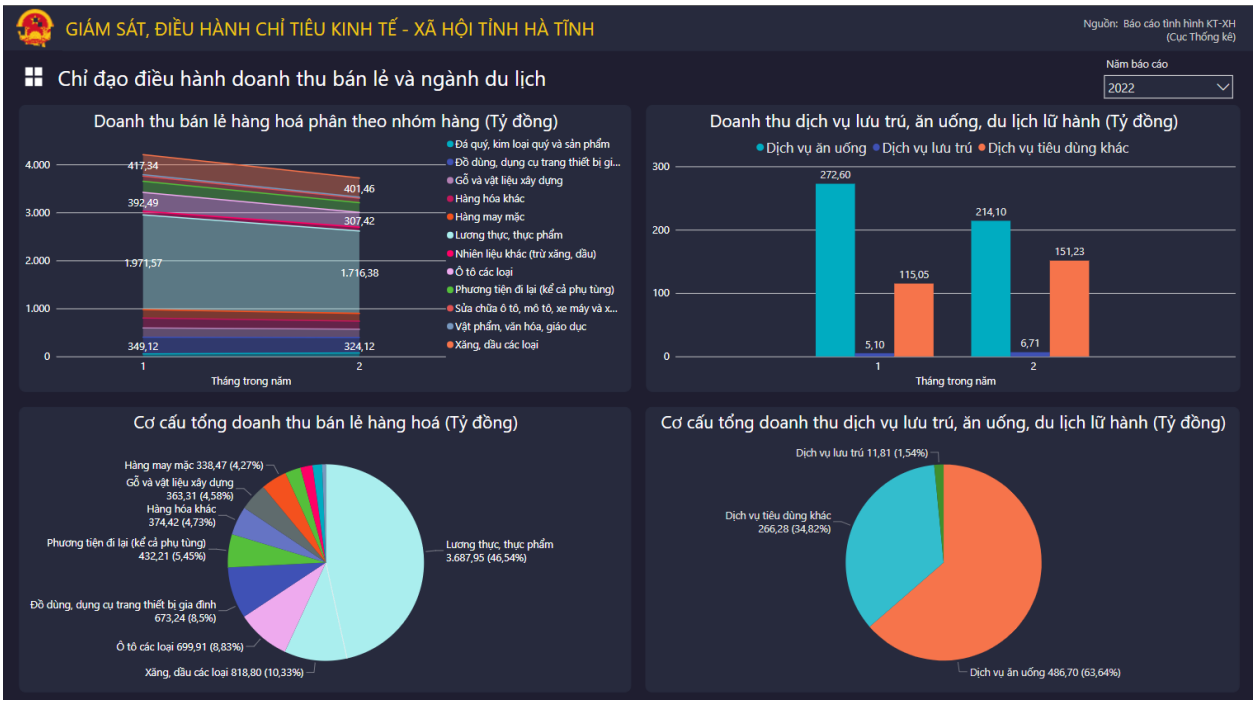
GIÁM SÁT, ĐIỀU HÀNH CHỈ TIÊU KINH TẾ - XÃ HỘI TỈNH HÀ TĨNH
Nguồn: Báo cáo tình hình KT-XH (Cục Thống kê)
Chỉ đạo điều hành doanh thu bán lẻ và ngành du lịch
Năm báo cáo
2022
Doanh thu bán lẻ hàng hoá phân theo nhóm hàng (Tỷ đồng)
417,34
401,46
392,49
307,42
1.971,57
1.716,38
349,12
324,12
Tháng trong năm
Đá quý, kim loại quý và sản phẩm
Đồ dùng, dụng cụ trang thiết bị gi...
Gỗ và vật liệu xây dựng
Hàng hóa khác
Hàng may mặc
Lương thực, thực phẩm
Nhiên liệu khác (trừ xăng, dầu)
Ô tô các loại
Phương tiện đi lại (kể cả phụ tùng)
Sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và x...
Vật phẩm, văn hóa, giáo dục
Xăng, dầu các loại
Doanh thu dịch vụ lưu trú, ăn uống, du lịch lữ hành (Tỷ đồng)
Dịch vụ ăn uống
Dịch vụ lưu trú
Dịch vụ tiêu dùng khác
272,60
5,10
115,05
214,10
6,71
151,23
Tháng trong năm
Cơ cấu tổng doanh thu bán lẻ hàng hoá (Tỷ đồng)
Hàng may mặc 338,47 (4,27%)
Gỗ và vật liệu xây dựng 363,31 (4,58%)
Hàng hóa khác 374,42 (4,73%)
Phương tiện đi lại (kể cả phụ tùng) 432,21 (5,45%)
Đồ dùng, dụng cụ trang thiết bị gia đình 673,24 (8,5%)
Ô tô các loại 699,91 (8,83%)
Xăng, dầu các loại 818,80 (10,33%)
Lương thực, thực phẩm 3.687,95 (46,54%)
Cơ cấu tổng doanh thu dịch vụ lưu trú, ăn uống, du lịch lữ hành (Tỷ đồng)
Dịch vụ lưu trú 11,81 (1,54%)
Dịch vụ tiêu dùng khác 266,28 (34,82%)
Dịch vụ ăn uống 486,70 (63,64%)

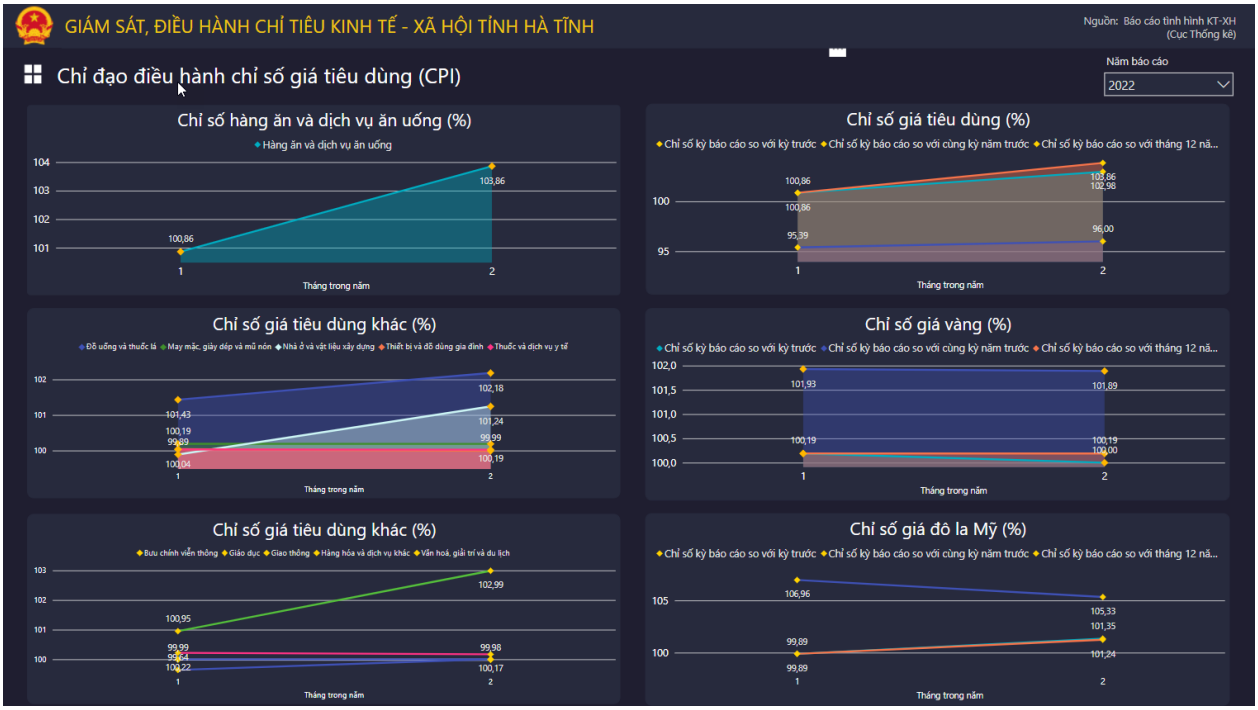
GIÁM SÁT, ĐIỀU HÀNH CHỈ TIÊU KINH TẾ - XÃ HỘI TỈNH HÀ TĨNH
Nguồn: Báo cáo tình hình KT-XH (Cục Thống kê)
Chỉ đạo điều hành chỉ số giá tiêu dùng (CPI)
Năm báo cáo
2022
Chỉ số hàng ăn và dịch vụ ăn uống (%)
Hàng ăn và dịch vụ ăn uống
100,86
103,86
Tháng trong năm
Chỉ số giá tiêu dùng (%)
Chỉ số kỳ báo cáo so với kỳ trước
Chỉ số kỳ báo cáo so với cùng kỳ năm trước
Chỉ số kỳ báo cáo so với tháng 12 nă...
100,86
100,86
95,39
103,86
102,98
96,00
Tháng trong năm
Chỉ số giá tiêu dùng khác (%)
Đồ uống và thuốc lá
May mặc, giày dép và mũ nón
Nhà ở và vật liệu xây dựng
Thiết bị và đồ dùng gia đình
Thuốc và dịch vụ y tế
101,43
100,19
99,89
100,04
102,18
101,24
99,99
100,19
Tháng trong năm
Chỉ số giá vàng (%)
Chỉ số kỳ báo cáo so với kỳ trước
Chỉ số kỳ báo cáo so với cùng kỳ năm trước
Chỉ số kỳ báo cáo so với tháng 12 nă...
101,93
100,19
101,89
100,19
100,00
Tháng trong năm
Chỉ số giá tiêu dùng khác (%)
Bưu chính viễn thông
Giáo dục
Giao thông
Hàng hóa và dịch vụ khác
Văn hoá, giải trí và du lịch
100,95
99,99
99,64
100,22
102,99
99,98
100,17
Tháng trong năm
Chỉ số giá đô la Mỹ (%)
Chỉ số kỳ báo cáo so với kỳ trước
Chỉ số kỳ báo cáo so với cùng kỳ năm trước
Chỉ số kỳ báo cáo so với tháng 12 nă...
106,96
99,89
99,89
105,33
101,35
101,24
Tháng trong năm

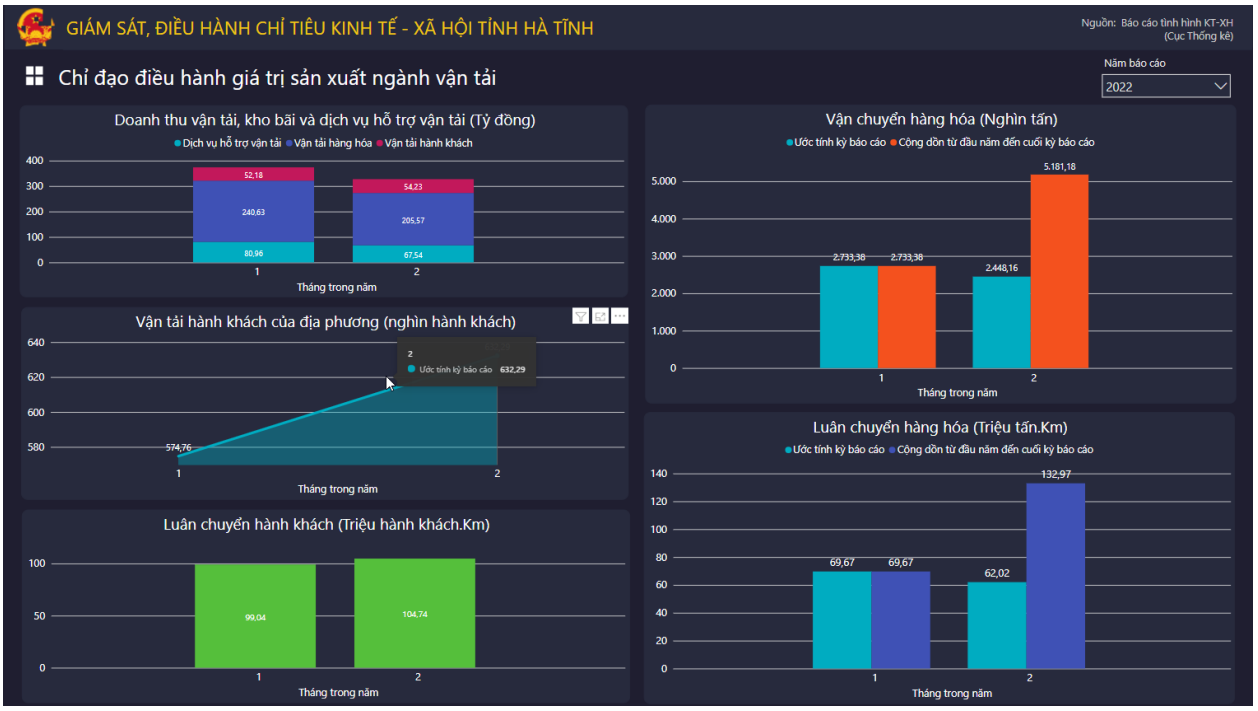
GIÁM SÁT, ĐIỀU HÀNH CHỈ TIÊU KINH TẾ - XÃ HỘI TỈNH HÀ TĨNH
Nguồn: Báo cáo tình hình KT-XH (Cục Thống kê)
Chỉ đạo điều hành giá trị sản xuất ngành vận tải
Năm báo cáo
2022
Doanh thu vận tải, kho bãi và dịch vụ hỗ trợ vận tải (Tỷ đồng)
Dịch vụ hỗ trợ vận tải
Vận tải hàng hóa
Vận tải hành khách
52,18
240,63
80,96
54,23
205,57
67,54
Tháng trong năm
Vận chuyển hàng hóa (Nghìn tấn)
Ước tính kỳ báo cáo
Cộng dồn từ đầu năm đến cuối kỳ báo cáo
2.733,38
2.733,38
2.448,16
5.181,18
Tháng trong năm
Vận tải hành khách của địa phương (nghìn hành khách)
Ước tính kỳ báo cáo 632,29
574,76
Tháng trong năm
Luân chuyển hành khách (Triệu hành khách.Km)
99,04
104,74
Tháng trong năm
Luân chuyển hàng hóa (Triệu tấn.Km)
Ước tính kỳ báo cáo
Cộng dồn từ đầu năm đến cuối kỳ báo cáo
69,67
69,67
62,02
132,97
Tháng trong năm

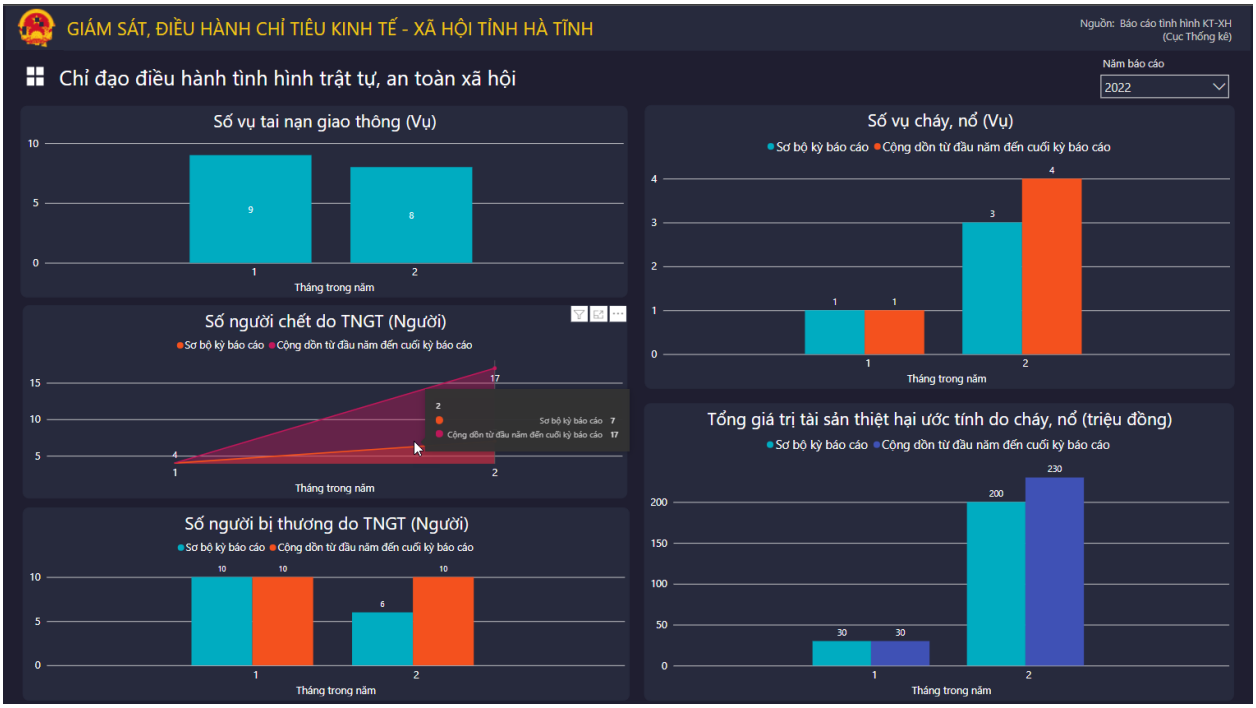

1.2. Giám sát lĩnh vực Hành chính công

Nguồn dữ liệu được đồng bộ tự động hàng ngày từ Hệ thống dịch vụ công và Hệ thống một cửa điện tử của UBND tỉnh.

- Tình hình tiếp nhận và xử lý hồ sơ thủ tục hành chính;

+ Hồ sơ tiếp nhận: Tiếp nhận trực tuyến, Tiếp nhận trực tiếp;

+ Tình hình xử lý hồ sơ: Giải quyết trước hạn, Giải quyết trong hạn, Giải quyết quá hạn;

+ Hồ sơ chưa xử lý trong hạn;

+ Tình hình xử lý quá hạn: Chưa giải quyết quá hạn, Đã giải quyết quá hạn.

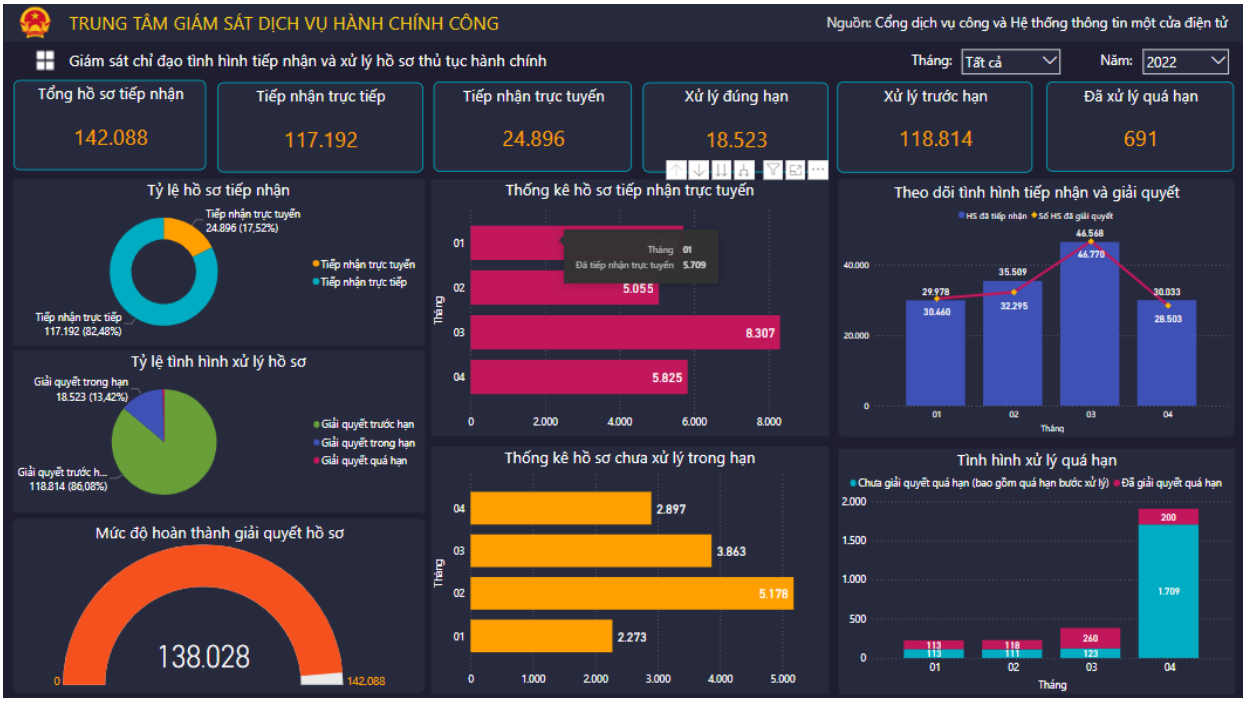

- Tình hình xử lý thủ tục hành chính của các sở - Ban ngành cấp tỉnh

+ Hồ sơ tiếp nhận trực tiếp, trực tuyến;

+ Hồ sơ đã xử lý theo cơ quan: trước hạn, đúng hạn, quá hạn;

+ Hồ sơ chưa xử lý theo cơ quan: Chưa giải quyết trong hạn, Chưa giải quyết quá hạn;

+ Nhóm 5 cơ quan nhiều hồ sơ xử lý quá hạn: Chưa giải quyết quá hạn, Đã giải quyết quá hạn;

+ Hồ sơ tồn theo cơ quan;

+ Hồ sơ tạm dừng, trả lại dân, đã hủy theo cơ quan: Hồ sơ tạm dừng, Hồ sơ đã hủy, Hồ sơ trả lại dân.

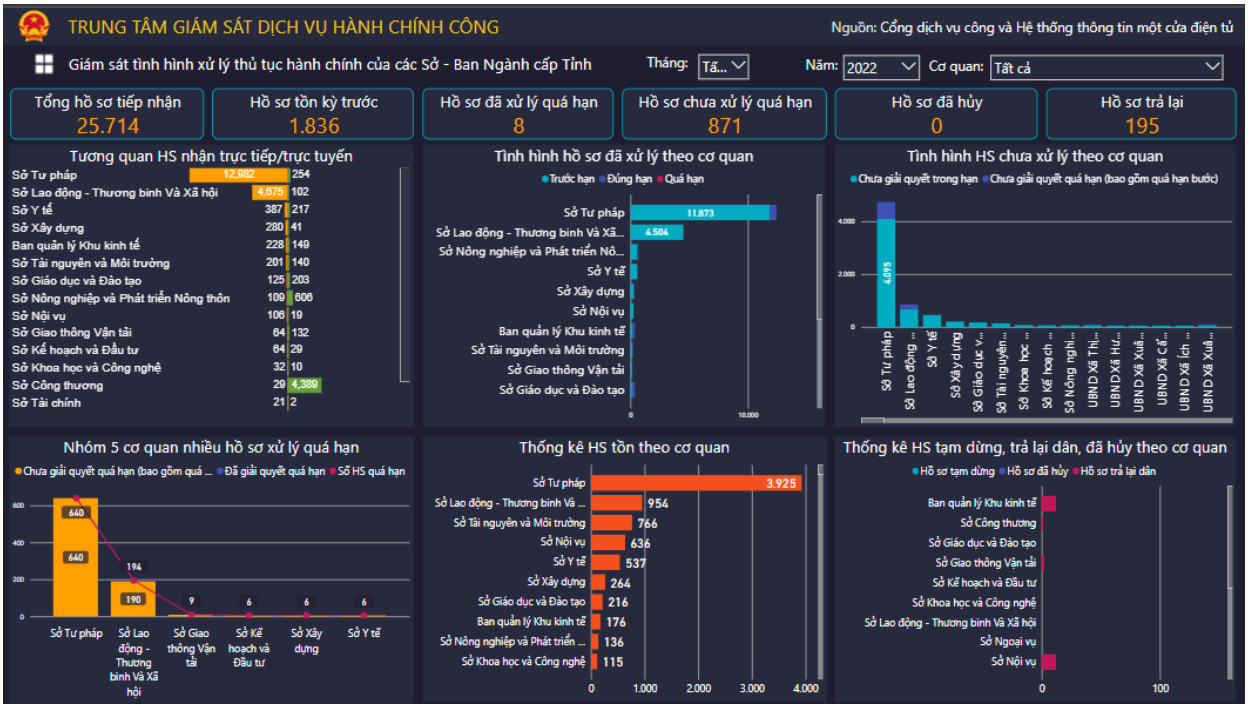

- Tình hình xử lý thủ tục hành chính của các cơ quan cấp huyện

+ Hồ sơ tiếp nhận trực tiếp, trực tuyến;

+ Hồ sơ đã xử lý theo cơ quan: trước hạn, đúng hạn, quá hạn;

+ Hồ sơ chưa xử lý theo cơ quan: Chưa giải quyết trong hạn, Chưa giải quyết quá hạn;

+ Nhóm 5 cơ quan nhiều hồ sơ xử lý quá hạn: Chưa giải quyết quá hạn, Đã giải quyết quá hạn;

+ Hồ sơ tồn theo cơ quan;

+ Hồ sơ tạm dừng, trả lại dân, đã hủy theo cơ quan: Hồ sơ tạm dừng, Hồ sơ đã hủy, Hồ sơ trả lại dân.

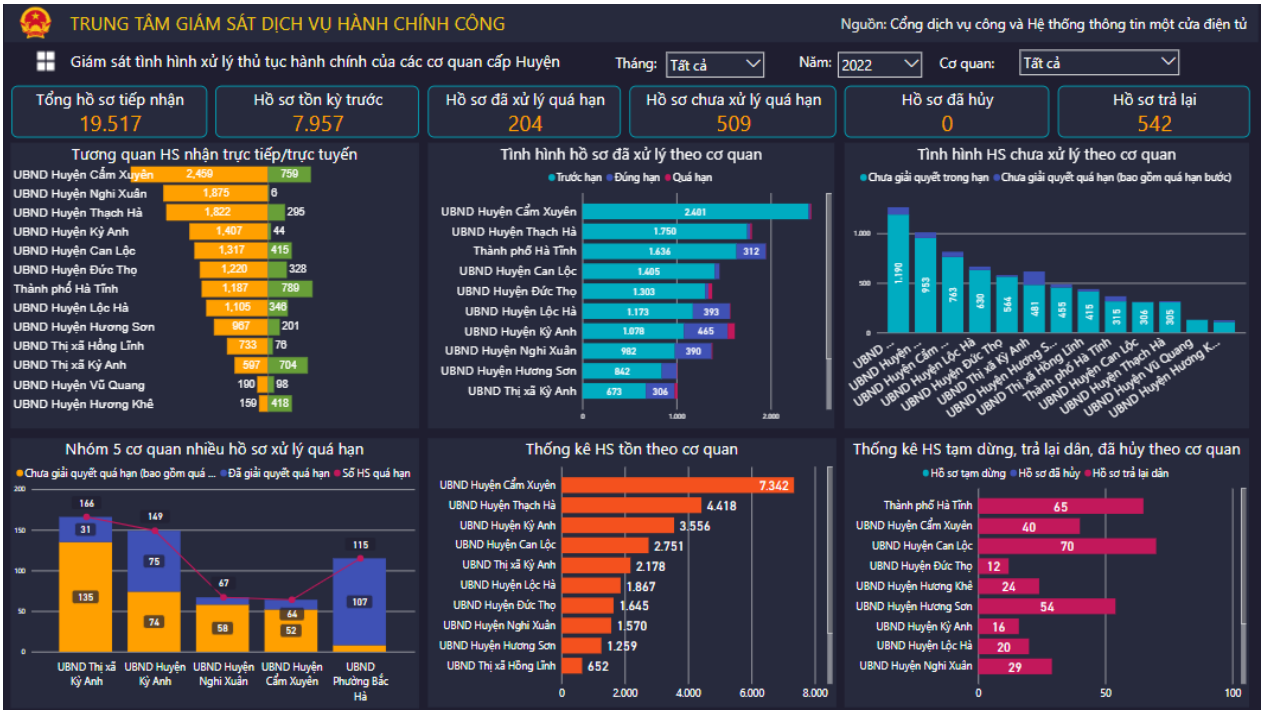

- Tình hình xử lý thủ tục hành chính theo cơ quan

+ Tình hình tiếp nhận hồ sơ: Đã tiếp nhận online, Đã tiếp nhận trực tiếp, Hồ sơ tồn;

+ Hồ sơ đã xử lý: Đã giải quyết trước hạn, Đã giải quyết đúng hạn, Đã giải quyết quá hạn;

+ Tình hình xử lý hồ sơ: Số HS chưa giải quyết, Số HS đã giải quyết;

+ Hồ sơ chưa xử lý: Chưa giải quyết quá hạn, Chưa giải quyết trong hạn.

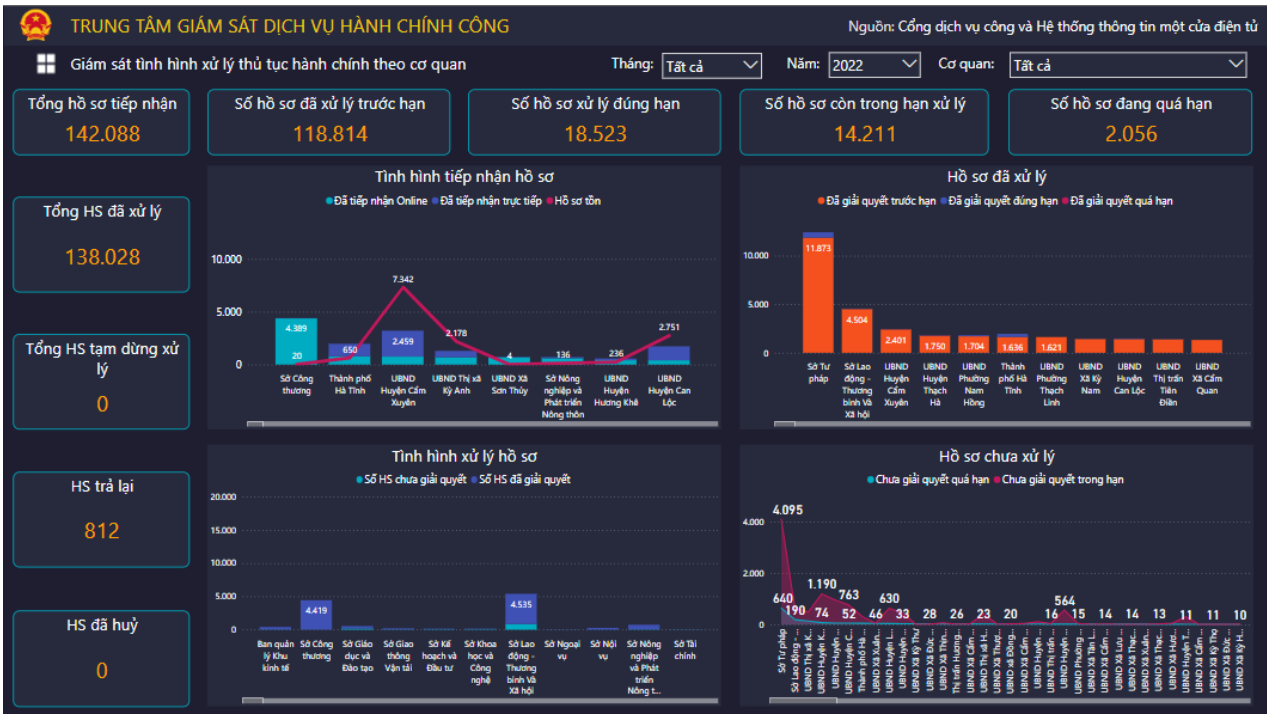

- Tình hình xử lý thủ tục hành chính theo lĩnh vực

+ Tình hình tiếp nhận hồ sơ: Tiếp nhận trực tiếp, Tiếp nhận trực tuyến;

+ Tình hình xử lý hồ sơ: Số HS đã giải quyết, Số HS chưa giải quyết;

+ Theo dõi xử lý hồ sơ quá hạn: Chưa giải quyết quá hạn, Đã giải quyết quá hạn;

+ Nhóm 5 lĩnh vực tiếp nhận nhiều hồ sơ nhất;

+ Nhóm 5 lĩnh vực đã xử lý nhiều hồ sơ nhất;

+ Nhóm 5 lĩnh vực còn nhiều hồ sơ chưa xử lý.

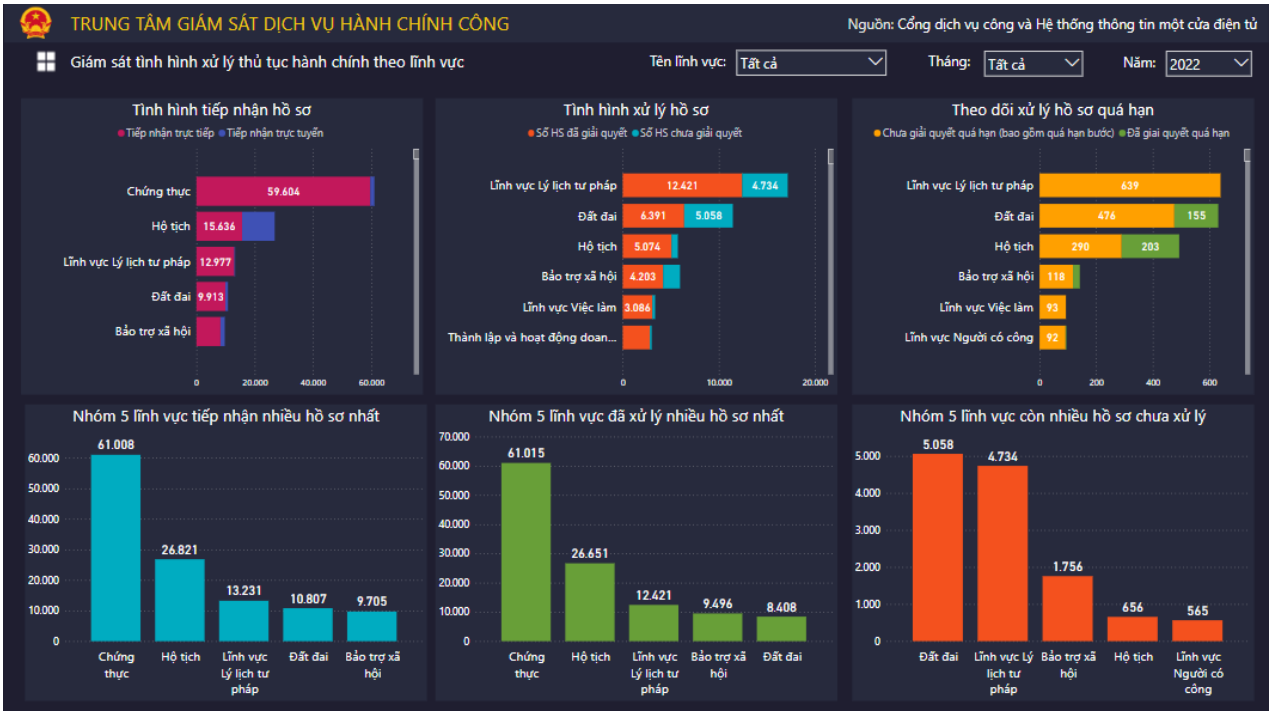

- Tình hình xử lý hồ sơ quá hạn

+ Theo dõi tình hình hồ sơ chưa xử lý bị quá hạn theo Cơ quan;

+ Theo dõi tình hình hồ sơ chưa xử lý bị quá hạn theo Lĩnh vực;

+ Theo dõi tình hình hồ sơ đã xử lý bị quá hạn theo Cơ quan;

+ Theo dõi tình hình hồ sơ đã xử lý bị quá hạn theo Lĩnh vực;

+ Nhóm 5 cơ quan có nhiều hồ sơ quá hạn (chưa xử lý và đã xử lý);

+ Nhóm 5 lĩnh vực có nhiều hồ sơ quá hạn (chưa xử lý và đã xử lý).

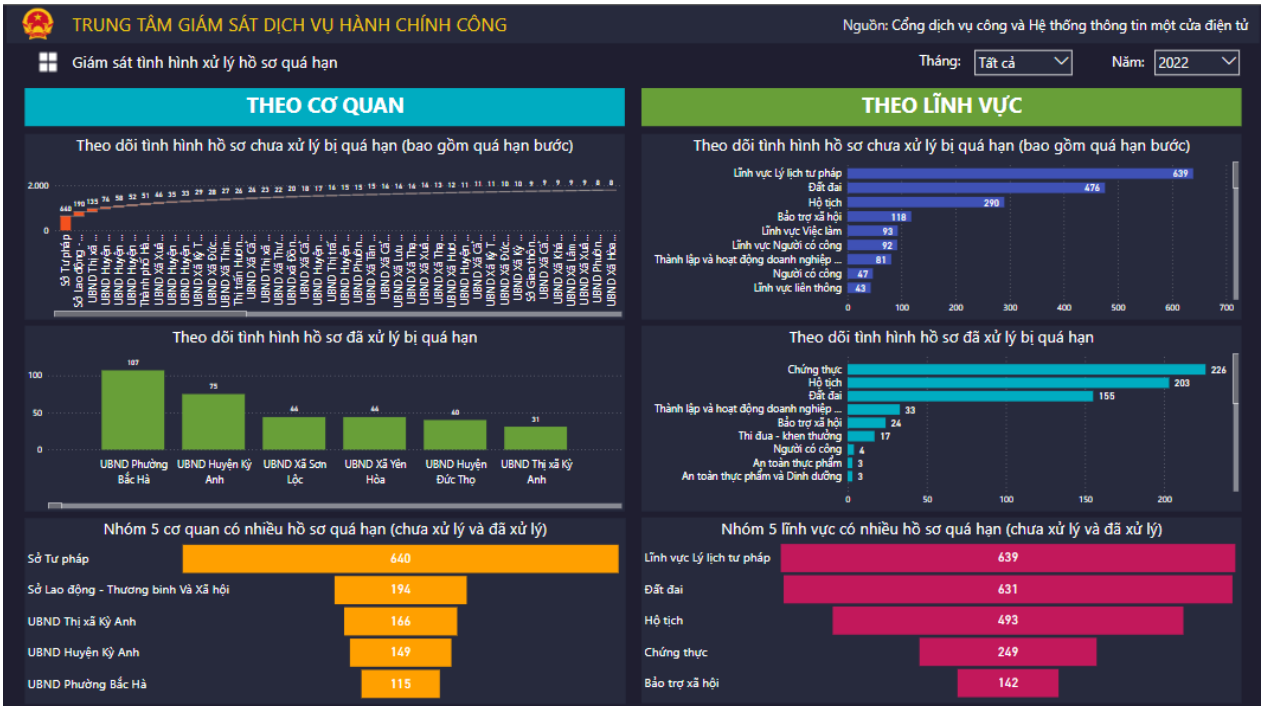

1.3. Giám sát lĩnh vực điều hành văn bản

Nguồn dữ liệu được đồng bộ tự động hàng ngày từ Hệ thống quản lý văn bản và hồ sơ công việc của UBND tỉnh.

- Theo dõi văn bản chỉ đạo điều hành của UBND tỉnh

  + Theo dõi các nhiệm vụ đang thực hiện trong hạn;

  + Theo dõi nhiệm vụ đang thực hiện quá hạn;

  + Theo dõi nhiệm vụ đã thực hiện đúng hạn;

  + Theo dõi nhiệm vụ đã thực hiện quá hạn.

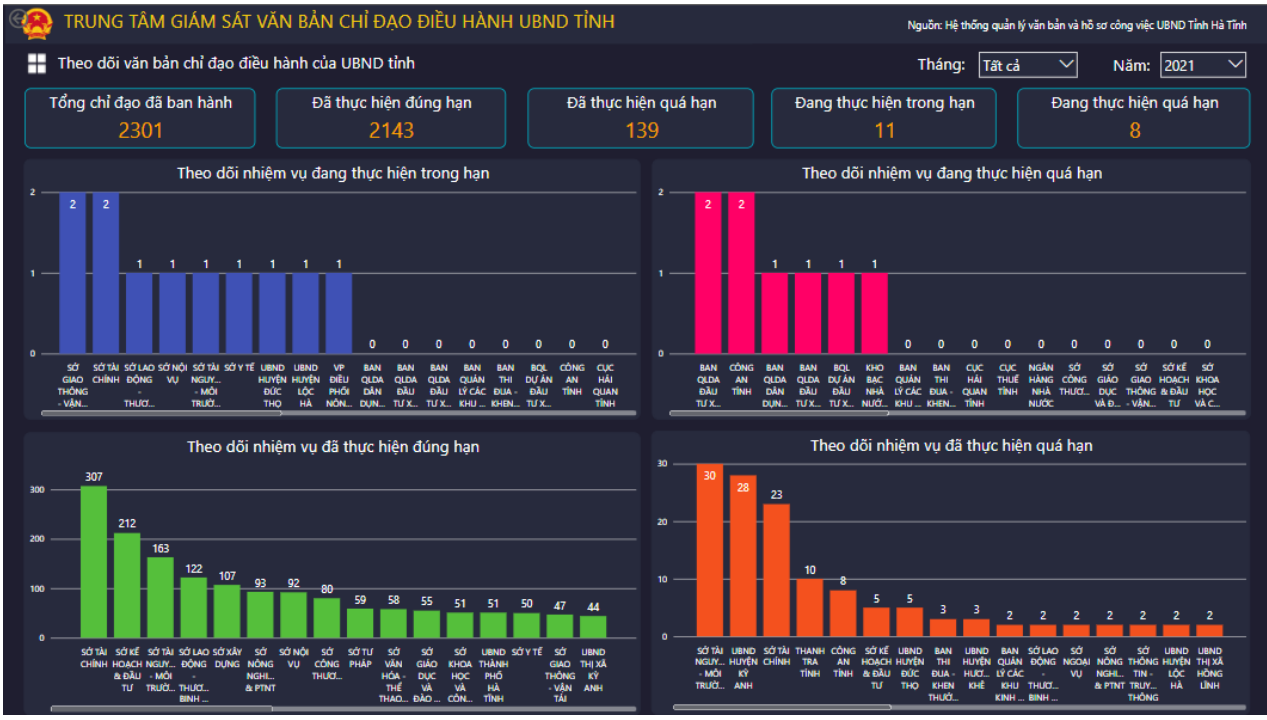

- Theo dõi tình hình xử lý văn bản điện tử toàn tỉnh

+ Tình hình ký số VB đến theo cơ quan: Tổng đến ký số, Tổng đến không ký số;

+ Tình hình ký số VB đi theo cơ quan: Tổng đi ký số, Tổng đi không ký số;

+ Thống kê văn bản đến và đi theo cơ quan;

+ Tỉ lệ số lượng văn bản đi ký số theo cơ quan.

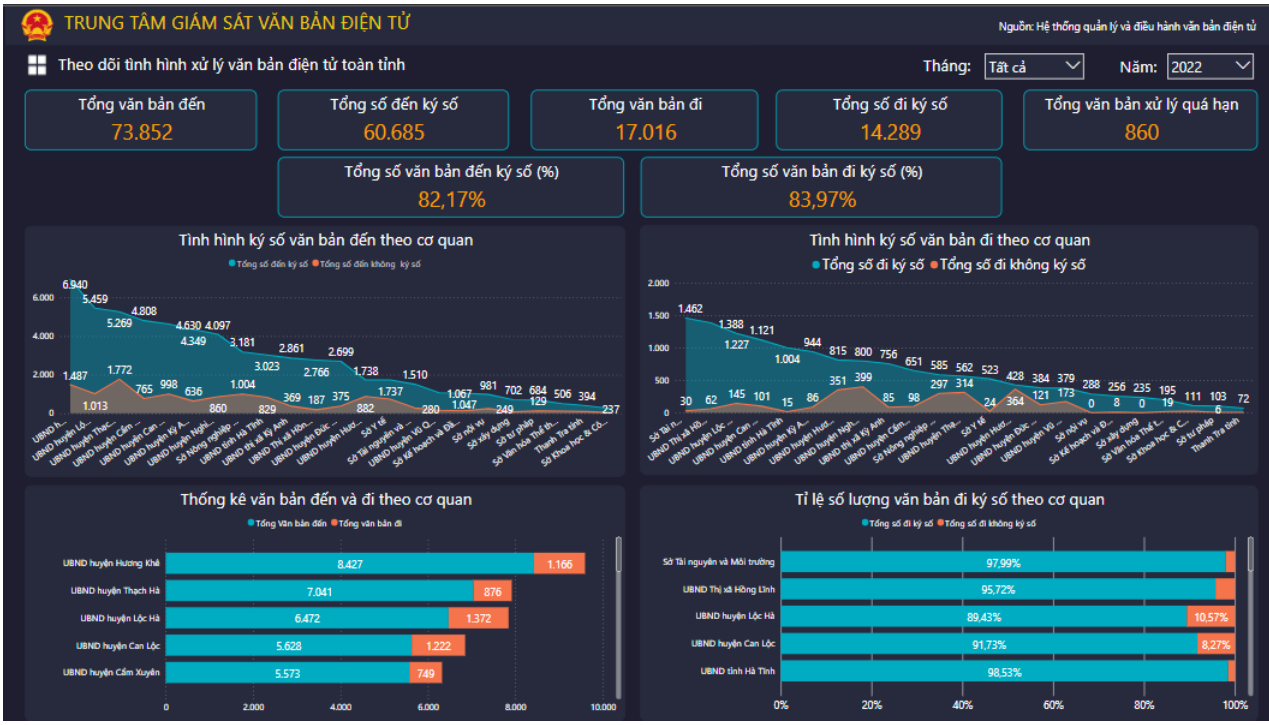

- Tình hình xử lý văn bản chi tiết theo cơ quan

+ Số lượng văn bản đến đã xử lý: Đã xử lý đúng hạn, Đã xử lý quá hạn;

+ Số lượng văn bản đến chưa xử lý: Đã xử lý, Chưa xử lý;

+ Tỷ lệ văn bản đi ký số: Tổng số đi ký số, Tổng số đi không ký số;

+ Văn bản đến quá hạn;

+ Văn bản chưa xử lý theo cơ quan.

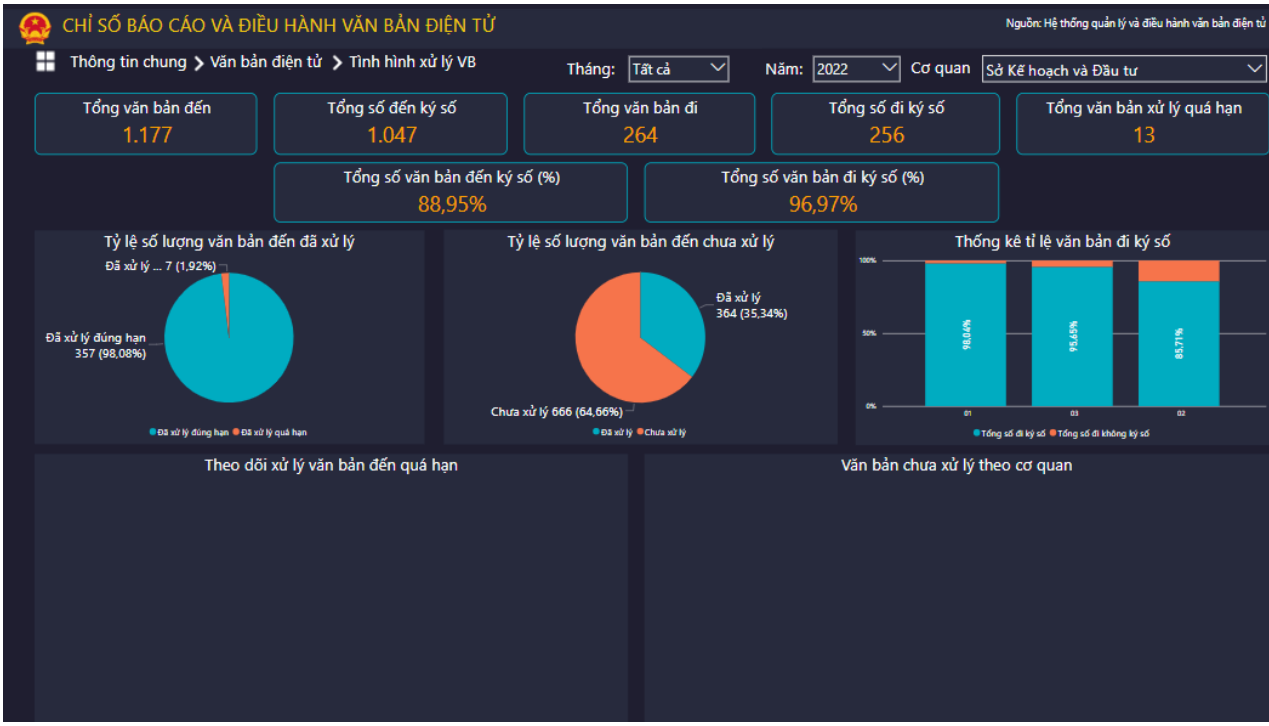

- Tình hình xử lý văn bản đến

+ Tình hình xử lý văn bản toàn tỉnh: Tổng văn bản đến, Tổng văn bản đi;

+ Số lượng văn bản đến chưa xử lý: Đã xử lý, Chưa xử lý;

+ Thống kê văn bản đi và đến;

+ Theo dõi xử lý văn bản đến quá hạn.

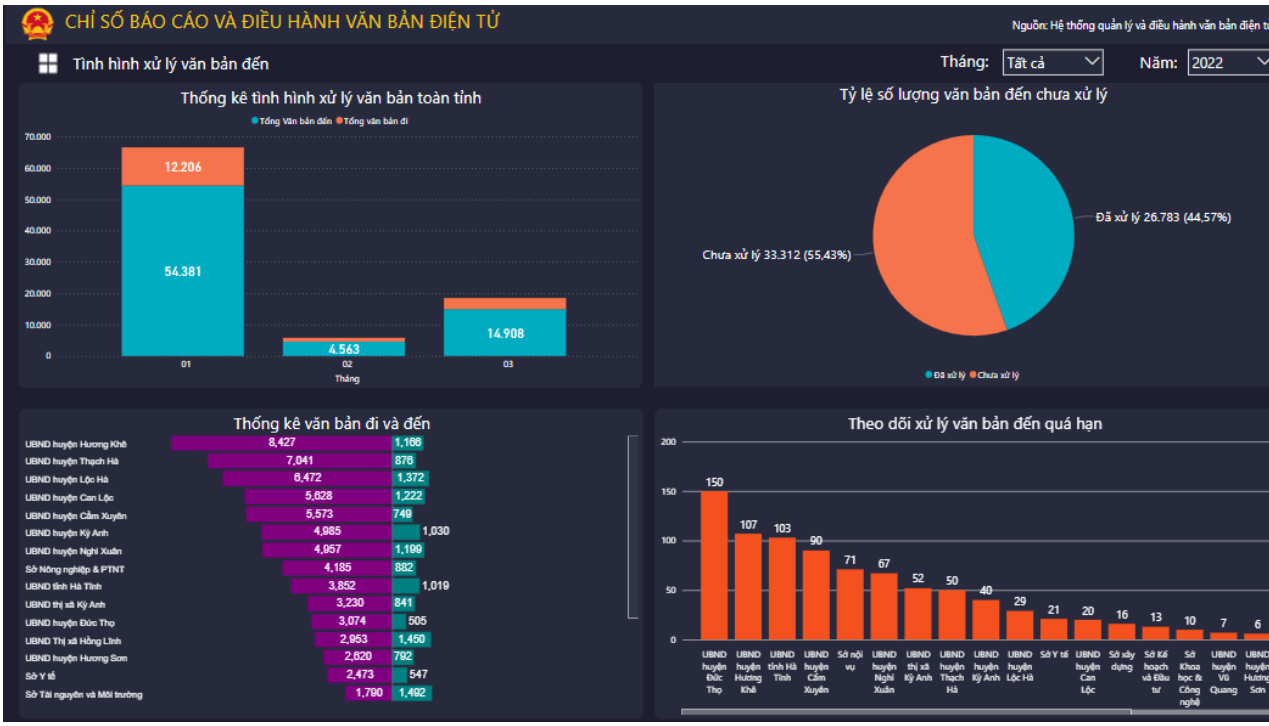

- Hiệu suất xử lý và điều hành

+ Nhóm 10 cơ quan xử lý hồ sơ nhiều nhất: Tổng văn bản đến, Tổng văn bản đi;

+ Nhóm 10 cơ quan còn nhiều văn bản đến và chưa xử lý;

+ Nhóm 10 cơ quan có nhiều văn bản chờ duyệt;

+ Nhóm 10 cơ quan ký số văn bản đi nhiều nhất.

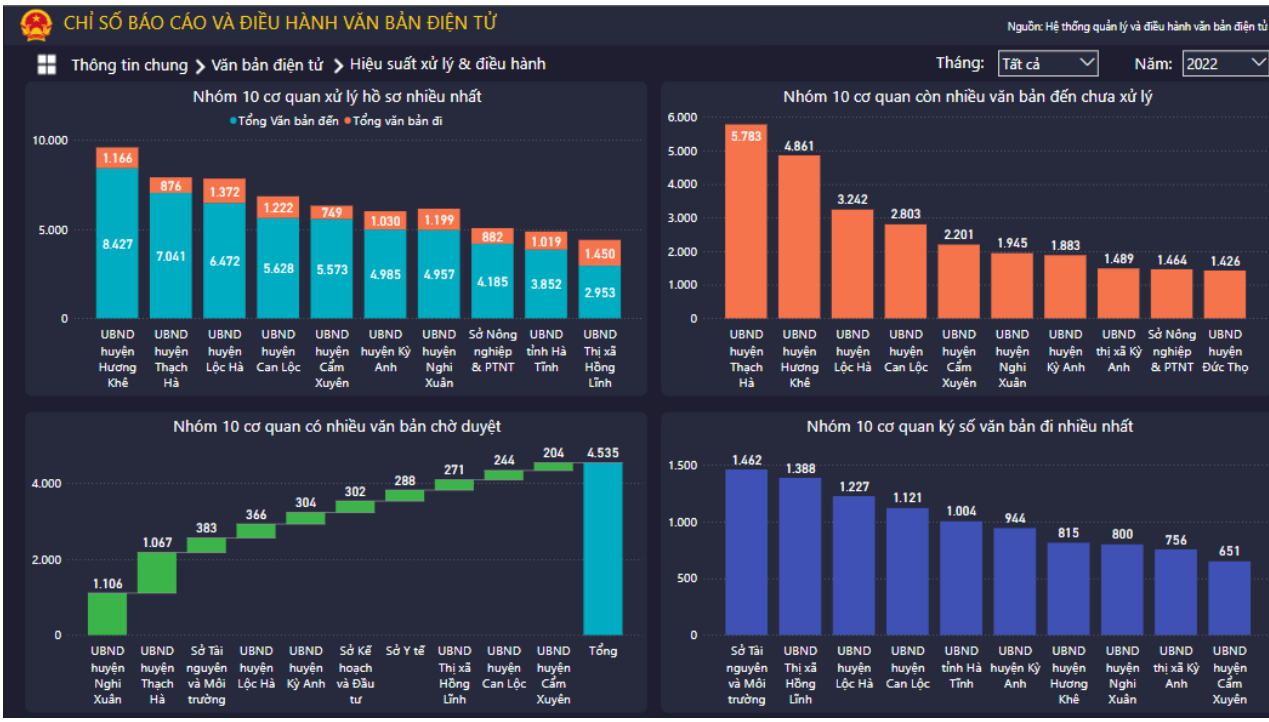

1.4. Giám sát lĩnh vực Giáo dục

Nguồn dữ liệu được xuất từ file excel hệ thống Cơ sở dữ liệu ngành Moet của bộ Giáo dục Đào tạo và đồng bộ sang hệ thống IOC.

- Thông tin chung chỉ số ngành Giáo dục

+ Giáo dục mầm non: Tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia, Tỷ lệ giáo viên đạt chuẩn và trên chuẩn trình độ đào tạo, Tỷ lệ trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân và thấp còi, Số bình quân trẻ nhà trẻ / giáo viên, Tỷ lệ huy động trẻ nhà trẻ, Tỷ lệ huy động trẻ mẫu giáo;

+ Giáo dục tiểu học: Tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia, Số bình quân học sinh / giáo viên tiểu học, Tỷ lệ giáo viên đạt chuẩn và trên chuẩn trình độ đào tạo;

+ Giáo dục THCS: Tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia, Số bình quân học sinh / giáo viên THCS, Tỷ lệ giáo viên đạt chuẩn và trên chuẩn trình độ đào tạo;

+ Giáo cục PTTH: Tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia, Số bình quân học sinh / giáo viên PTTH, Tỷ lệ giáo viên đạt chuẩn và trên chuẩn trình độ đào tạo;

+ Phổ cập giáo dục: Phổ cập giáo dục tiểu học, Phổ cập giáo dục trung học cơ sở, Xóa mù chữ;

+ Giáo dục khuyết tật: Số trung tâm giáo dục khuyết tật, Học sinh khuyết tật, Cán bộ quản lý giáo viên nhân viên, Học hòa nhập trong các cơ sở CD MN&PT;

+ Giáo dục thường xuyên: Số trung tâm GDTX, Học viên, Cán bộ quản lý giáo viên nhân viên, Viên chức GDTX.

- Thông tin chung giáo dục phổ thông

+ Thống kê số trường các cấp: Tổng số công lập, Tổng số ngoài công lập;

+ Tỷ lệ giáo viên các cấp: Giáo viên trung học phổ thông, Giáo viên tiểu học, Giáo viên trung học cơ sở;

+ Thống kê số lớp các cấp: Tổng số công lập, Tổng số ngoài công lập;

+ Tỷ lệ học sinh / giáo viên (Công lập – Tư thục);

+ Thống kê học sinh các cấp: Tổng số công lập, Tổng số ngoài công lập;

+ Tỷ lệ số trường các cấp.

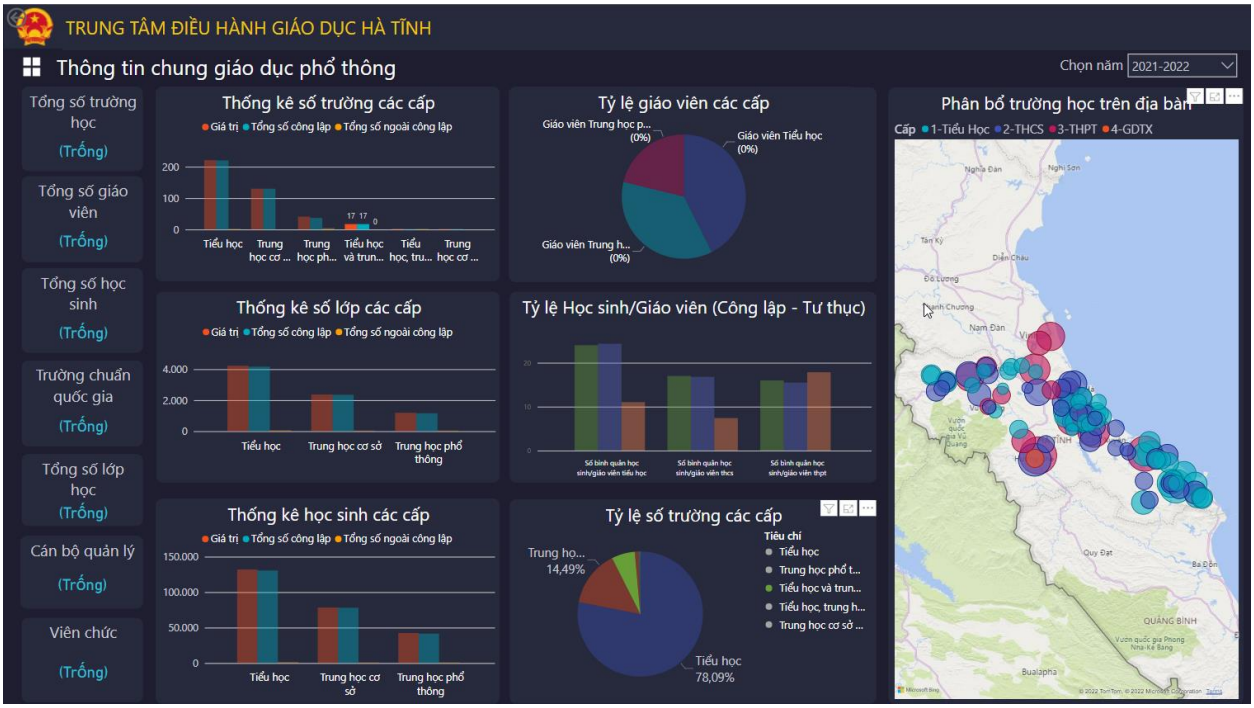

- Thông tin chung giáo dục mầm non qua các năm
    + Thống kê số trẻ trên giáo viên;
    + Tỷ lệ % trẻ béo phì, suy dinh dưỡng;
    + Tỷ lệ giáo viên mẫu giáo – mầm non;
    + Tỷ lệ trẻ mẫu giáo – mầm non;
    + Giáo viên, nhân viên, cán bộ quản lý;
    + Tỷ lệ giới tính trẻ mầm non, mẫu giáo.

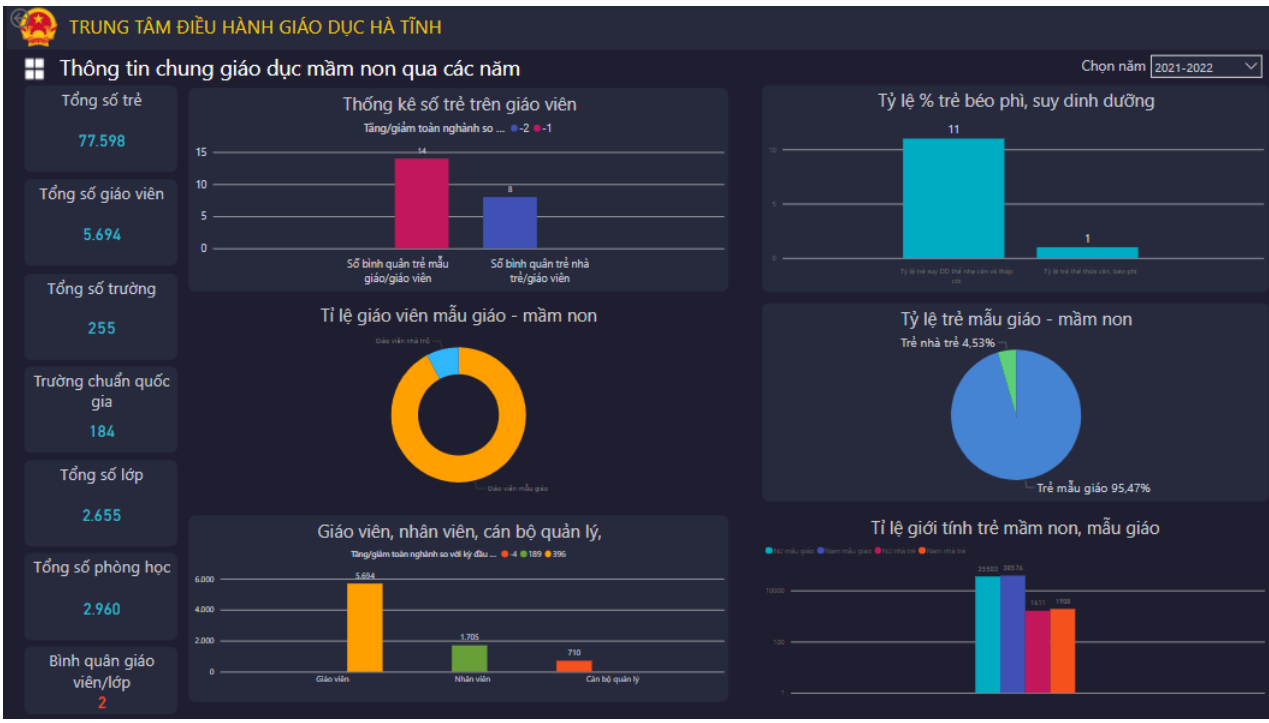

Ngoài ra đơn vị đang xây dựng các nhóm số liệu của Giáo dục TH, THCS; Giáo dục PTTH; Trung tâm GDTX và GDKT theo số liệu của hệ thống Cơ sở dữ liệu ngành giáo dục.

1.5. Giám sát lĩnh vực Y tế

Nguồn dữ liệu được đồng bộ hàng ngày từ cổng dữ liệu bộ y tế, số liệu khán chữa bệnh được các cơ sở y tế đồng bộ trực tiếp hoặc đẩy dữ liệu hàng ngày lên cổng.

- Theo dõi tình hình khám chữa bệnh theo ngày

+ Tổng số lượt khám theo ngày;

+ Lượt ra, vào viện theo ngày;

+ Lượt điều trị nội trú, ngoại trú theo ngày;

+ Khám chữa bệnh sử dụng thể BHYT, không BHYT;

+ Tình hình cấp cứu và tử vong theo ngày;

+ Tình hình tai nạn thương tích.

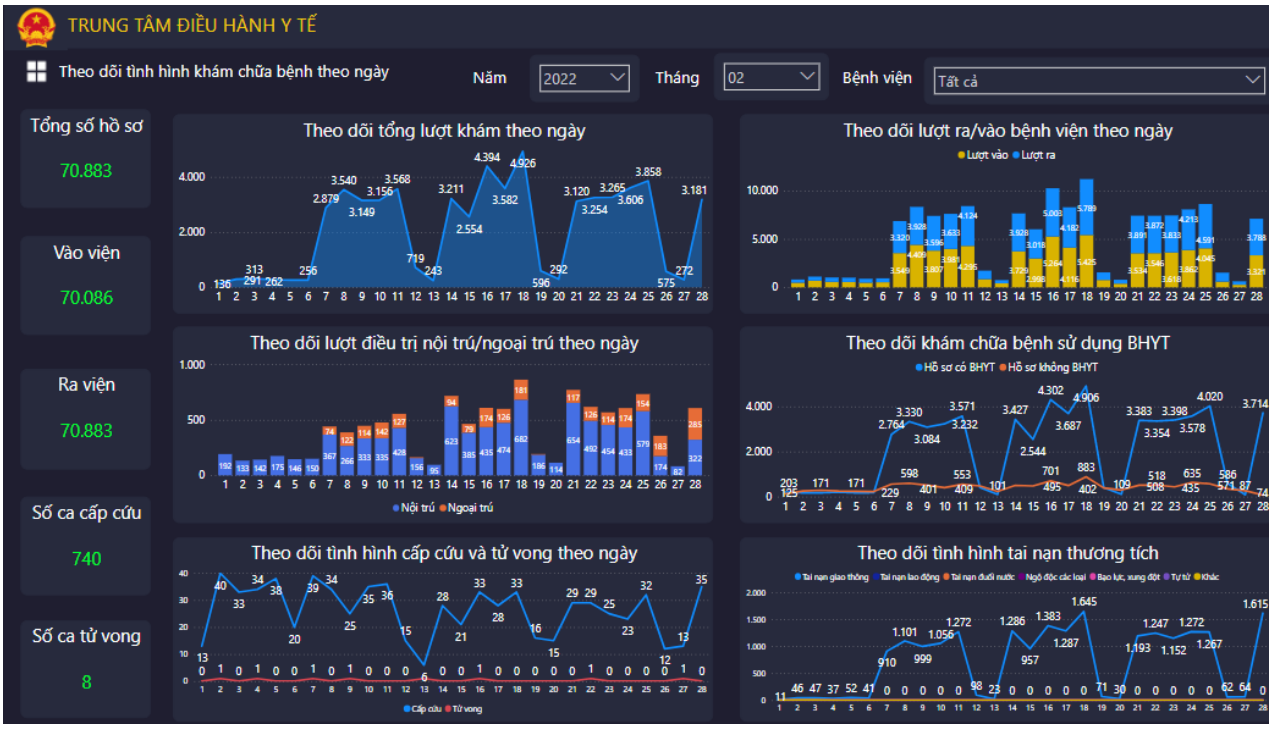

- Tình hình khám chữa bệnh theo tháng

+ Thông tin sử dụng dịch vụ kỹ thuật: Khám bệnh, Chẩn đoán hình ảnh, Máu và chế phẩm máu, Thăm dò chức năng, Thủ thuật phẫu thuật, Thuốc ngoài danh mục bảo hiểm, Thuốc trong danh mục bảo hiểm, Vận chuyển, Xét nghiệm;

+ Hồ sơ khám chữa bệnh: Hồ sơ có BHYT, Hồ sơ không BHYT;

+ Tỉ lệ bệnh nhân: Hồ sơ Nam , Hồ sơ Nữ;

+ Tổng số ngày điều trị;

+ Thống kê các nhóm bệnh phổ biến;

+ Tai nạn thương tích;

+ Thống kê chi phí khám chữa bệnh: BN thanh toán, BHYT thanh toán;

+ Số lượt cấp cứu;

+ Số lượt tử vong.

- Theo dõi tình hình bệnh truyền nhiễm trên địa bàn:

+ Theo dõi bệnh truyền nhiễm nhóm A phải báo cáo không muộn quá 24 giờ (đặc biệt nguy hiểm, lây nhanh, phát tán rộng, tử vong cao);

+ Theo dõi bệnh truyền nhiễm nhóm A theo từng cơ sở KCB (đặc biệt nguy hiểm, lây nhanh, phát tán rộng, tử vong cao);

+ Theo dõi bệnh truyền nhiễm nhóm B phải báo cáo không muộn quá 24 giờ (đặc biệt nguy hiểm, lây nhanh, phát tán rộng, tử vong cao);

+ Theo dõi bệnh truyền nhiễm nhóm B phải báo cáo không muộn quá 48 giờ (đặc biệt nguy hiểm, lây nhanh, phát tán rộng, tử vong cao).

- Tình hình khám chữa bệnh:

+ Bệnh nhân theo độ tuổi;

+ Theo loại bệnh phổ biến;

+ Bệnh nhân tham gia BHYT: Hồ sơ có BHYT, Hồ sơ không BHYT;

+ Tiền bệnh nhân tự thanh toán theo tháng;

+ Tiền bảo hiểm đồng chi trả theo tháng;

+ Thống kê lượt sử dụng DVKT theo tháng.

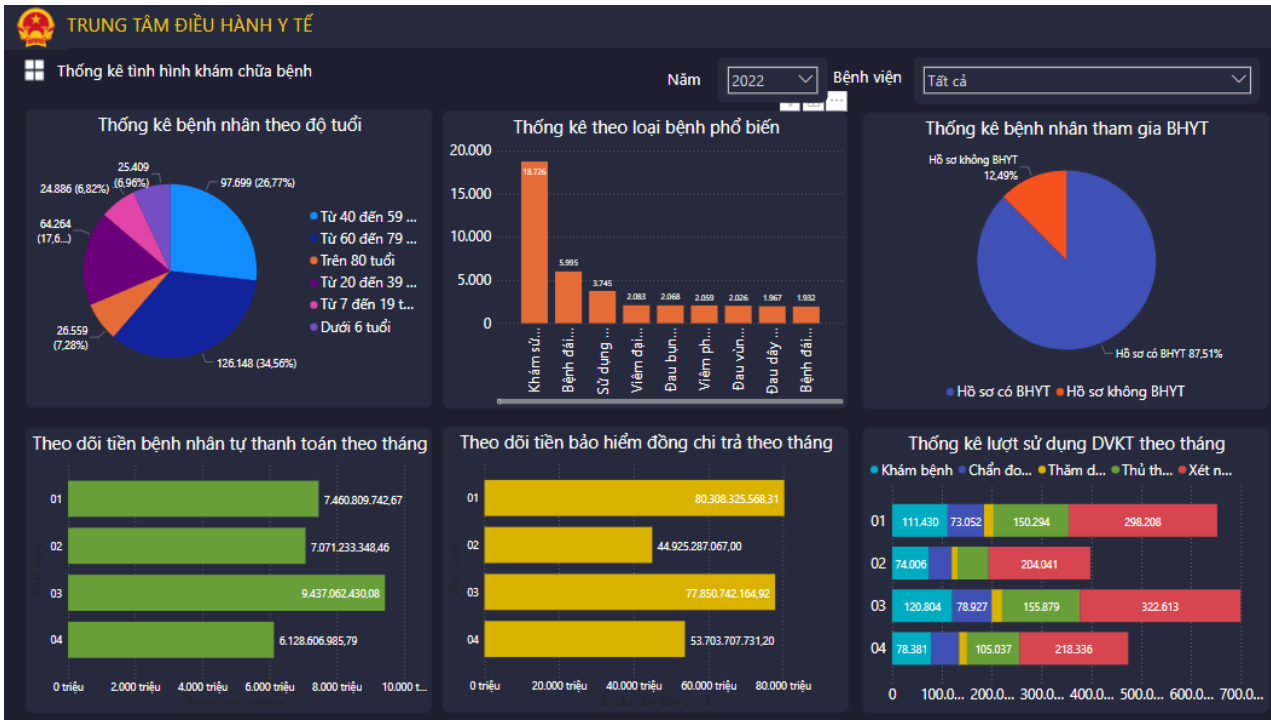

- Tình hình KCB theo CSYT

+ Số lượt khám bệnh;

+ Số ca tử vong;

+ Bệnh nhân vào, ra viện;

+ Lượt khám bệnh, nội trú, ngoại trú;

+ Tai nạn thương tích;

+ Thông tin sử dụng DVKT;

+ Số hồ sơ KCB: Hồ sơ có BHYT, Hồ sơ không BHYT;

+ Chi phí khám chữa bệnh: Bệnh nhân nội trú, Số giường bệnh;

+ Số ca cấp cứu.

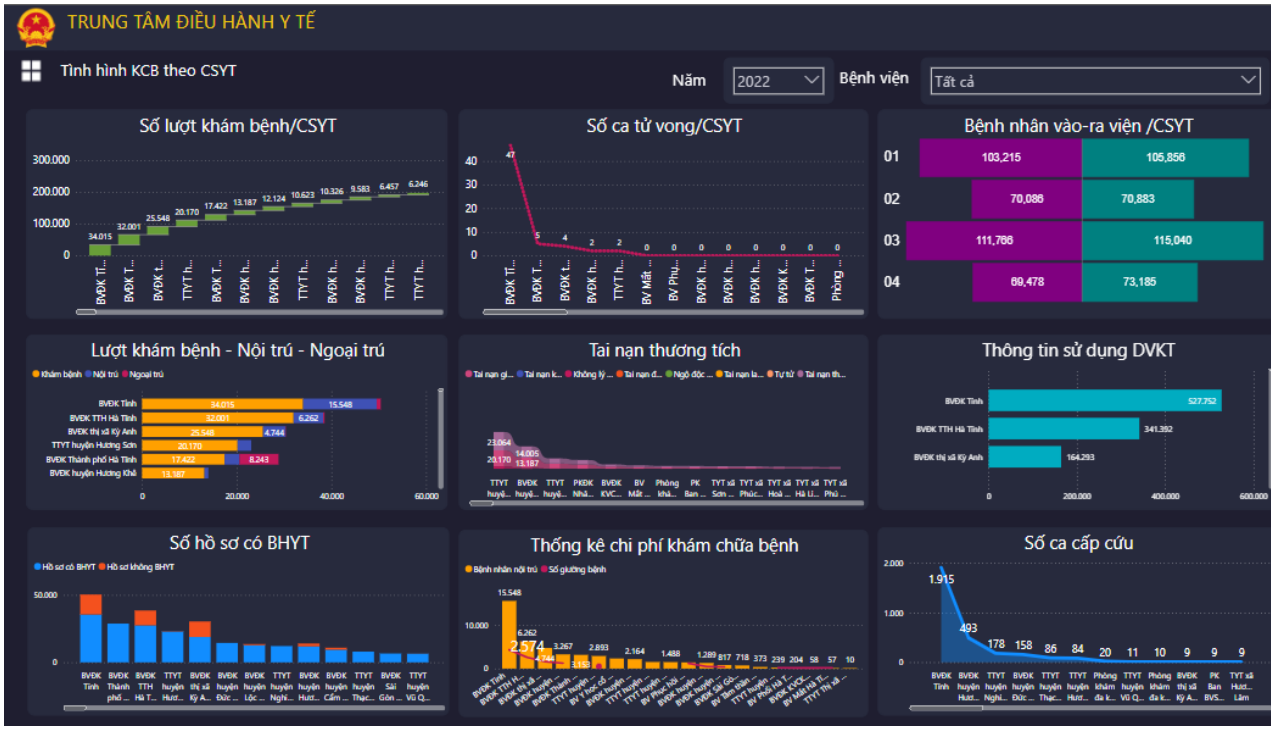

- Phân tích hiệu suất khám chữa bệnh

+ Nhóm CSYT có lượt khám cao nhất;

+ Nhóm bệnh có lượt khám cao nhất;

+ Nhóm CSYT có bệnh nhân nội trú cao;;

+ Nhóm CSYT có tỷ lệ khám BHYT cao;

+ Nhóm CSYT có số ngày điều trị cao nhất;

+ Nhóm CSYT sử dụng nhiều DVKT;

+ Nhóm CSYT tiếp nhận ca tai nạn giao thông.

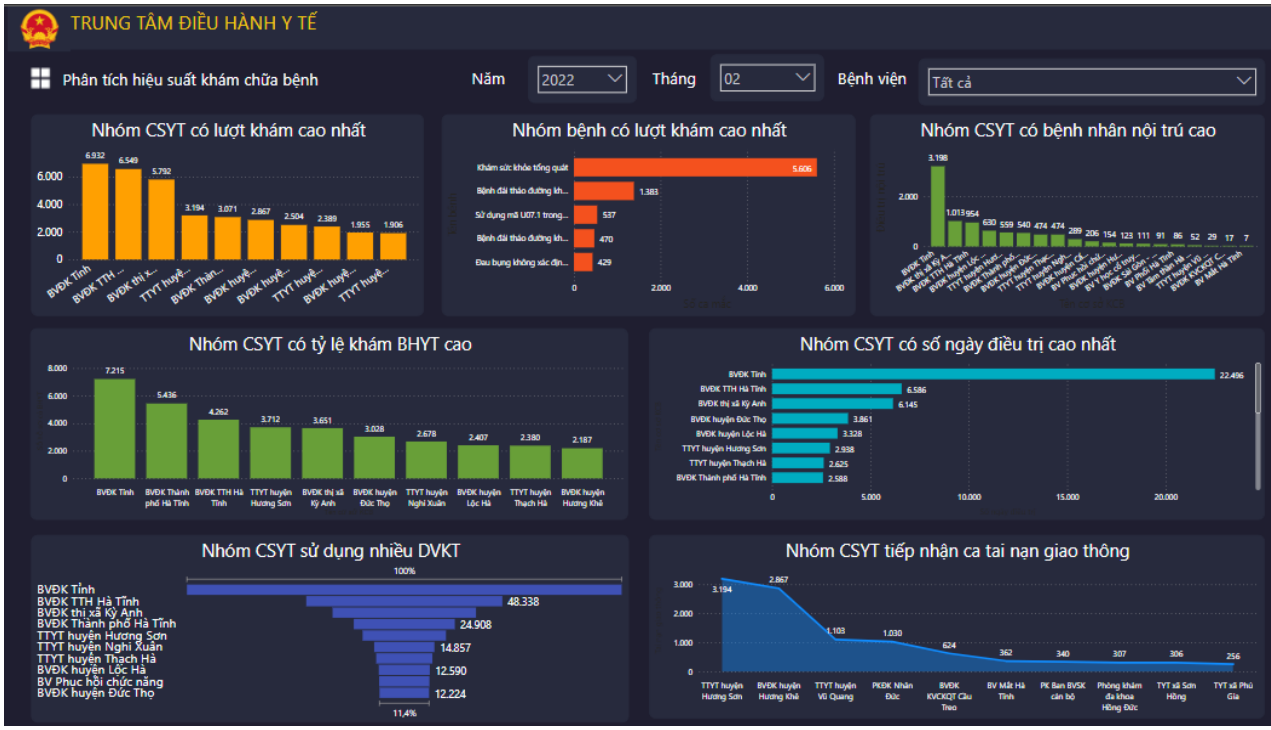

- Bản đồ dịch tể Covid-19

Bản đồ được liên kết từ trang ‘Bản đồ thông tin dịch tể covid 19’ của tỉnh Hà Tĩnh.

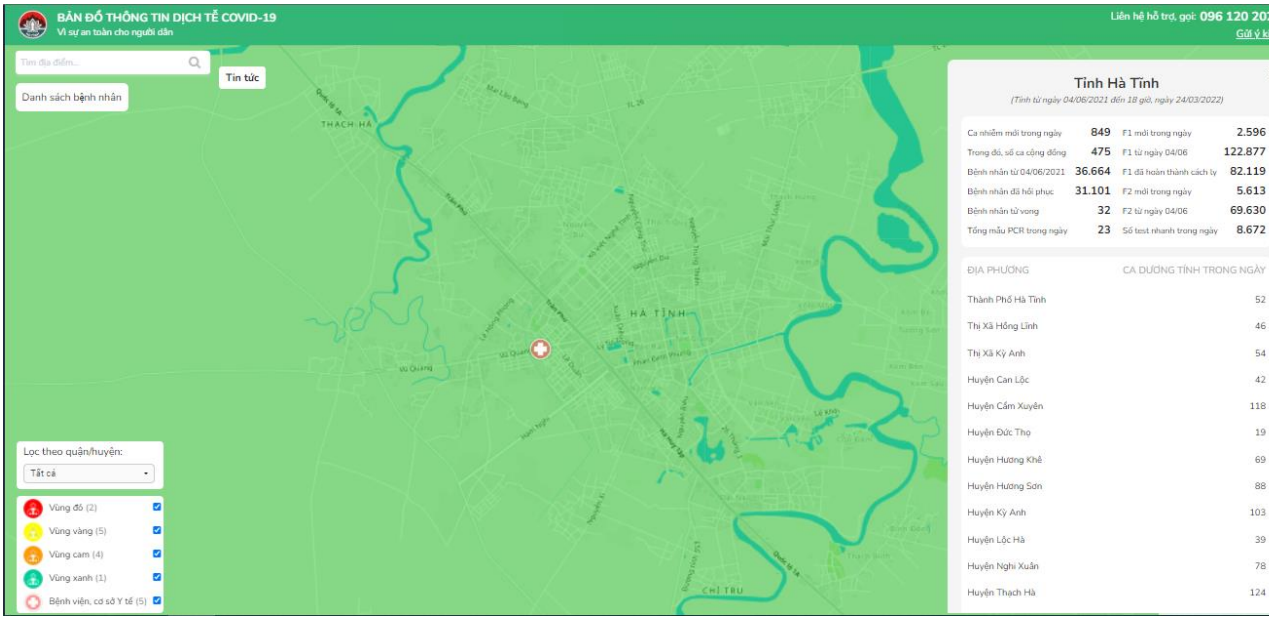

- Bản đồ thông tin nhà thuốc, quầy thuốc

Bản đồ được liên kết từ trang https://medcomm.vn/ của Hệ thống y tế cộng đồng (Medcom) triển khai tại Hà Tĩnh.

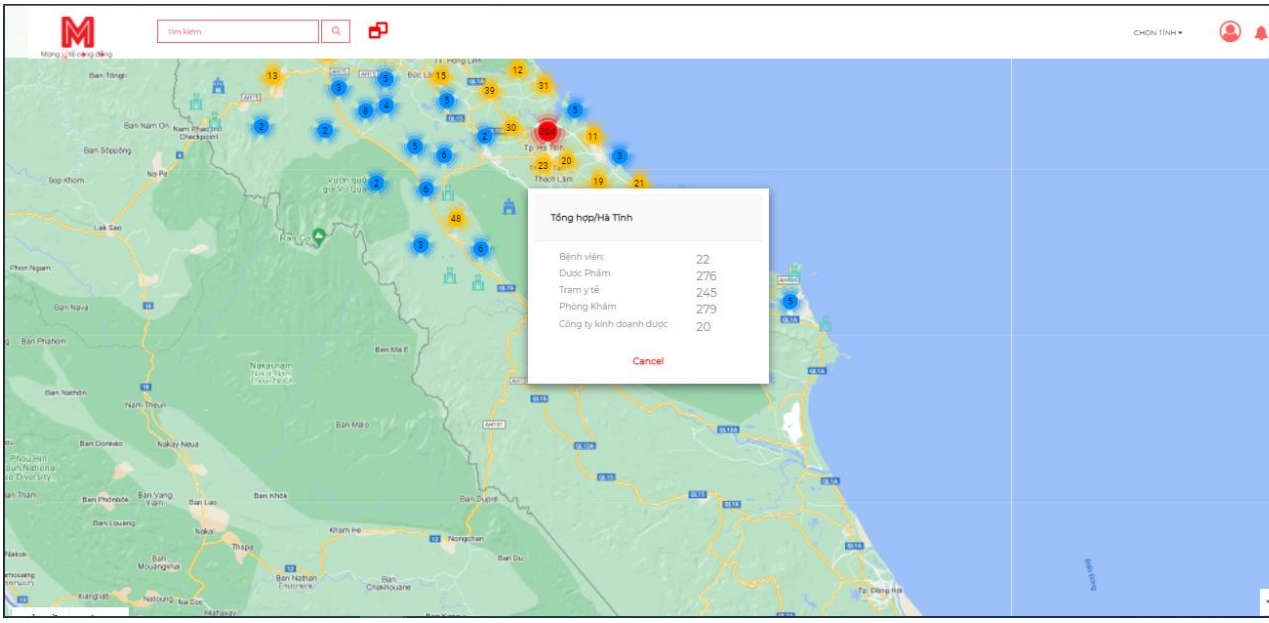

1.6. Giám sát lĩnh vực văn hóa du lịch và lưu trú

- Thông kê các số liệu thuộc lĩnh vực văn hóa

Nguồn số liệu được đồng bộ từ hệ thống báo cáo VSR gồm các trường số liệu:

+ Gia đình văn hóa;

+ Thôn văn hóa;

+ Xã đạt chuẩn văn hóa nông thôn mới;

+ Phường, thị trấn đạt chuẩn văn minh đô thị;

+ Số CQ, ĐV, DN đạt chuẩn văn hóa.

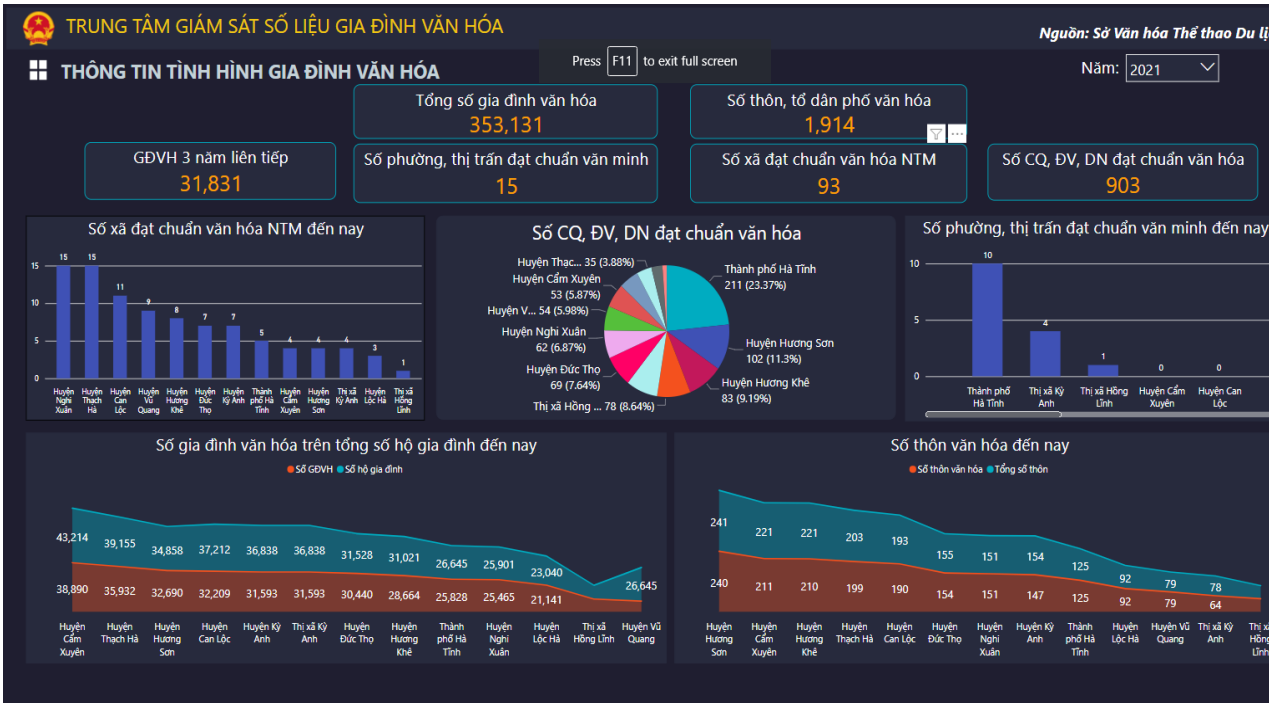

- Thống kê tình hình lưu trú theo khu vực

Nguồn số liệu được đồng bộ hàng ngày từ hệ thống VNPT ORM, gồm các trường số liệu:

+ Thống kê lượng khách trong nước, ngoài nước;

+ Tỷ lệ khách lưu trú: Lưu trú dài ngày, Khách nước ngoài, Khách trong nước;

+ Thống kê lượng khách lưu trú theo khu vực;

+ Nhóm CSLT đón nhiều khách nhất trong năm;

+ Số lượt khách theo thị trường;

+ Nhóm độ tuổi của khách lưu trú.

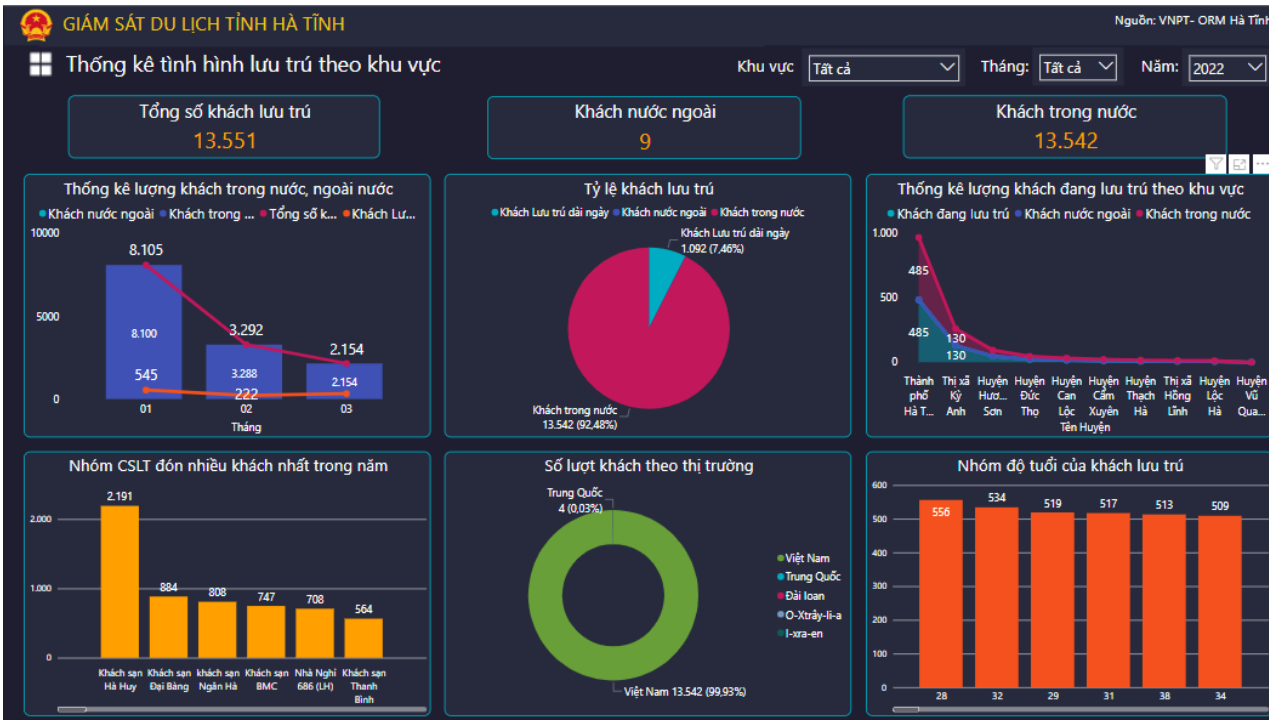

- Thống kê cơ sở lưu trú hiện tại trên địa bàn

+ Cơ cấu cơ sở lưu trú trên địa bàn tỉnh;

+ Tổng số cơ sở lưu trú theo khu vực;;

+ Số lượng CSLT được xếp hạng theo khu vực;

+ Số lượng CSLT theo khu vực.

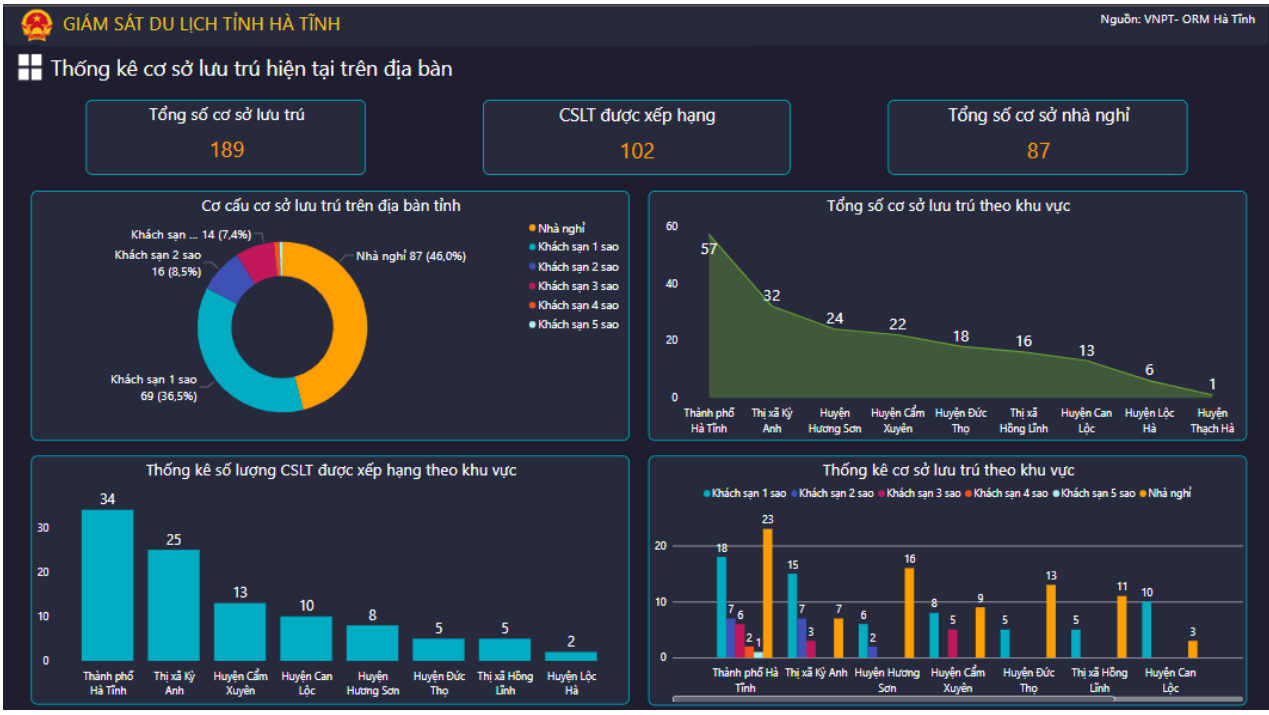

1.7. Giám sát Camera giám sát

- Camera trung tâm hành chính công

Đã kết nối hoàn thành camera của Trung tâm Hành chính công tỉnh và 13 Trung tâm hành chính công huyện, thị xã, thành phố.

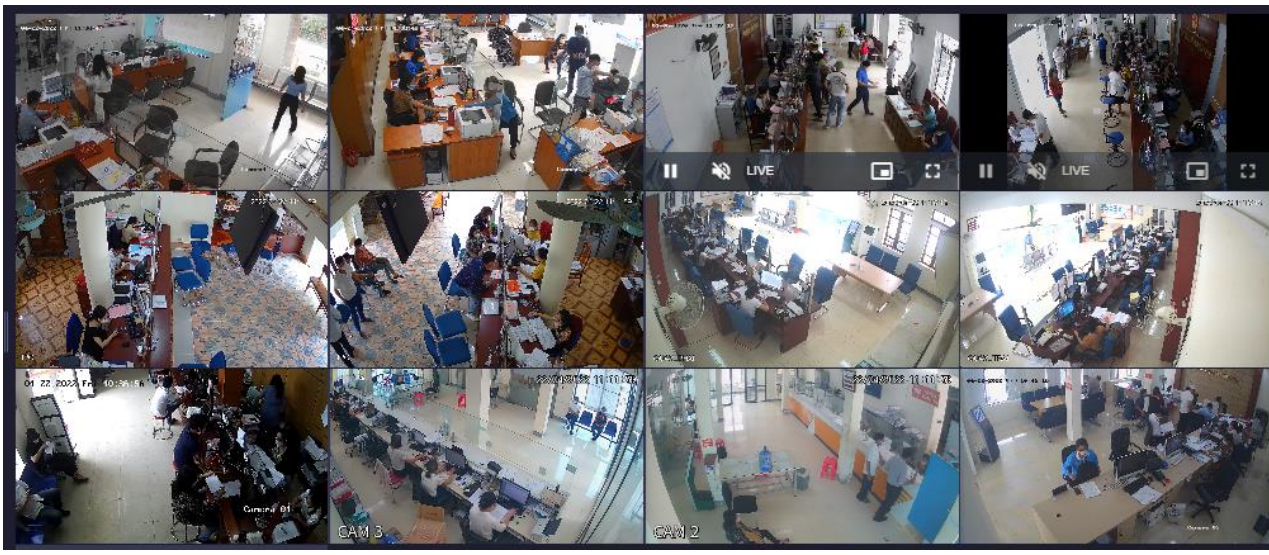

- Camera giám sát rừng

Đã kết nối 03 Camera giám sát rừng của chi cục kiểm lâm

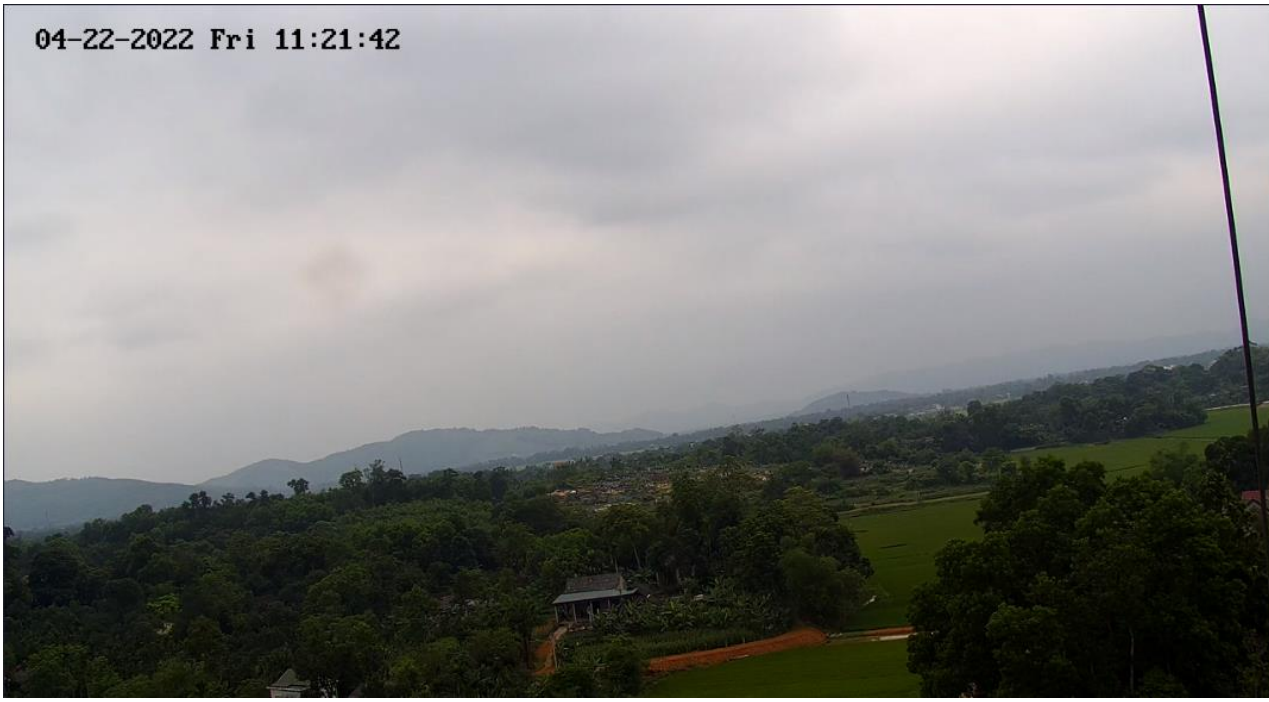

- Camera an ninh của Công an thành phố

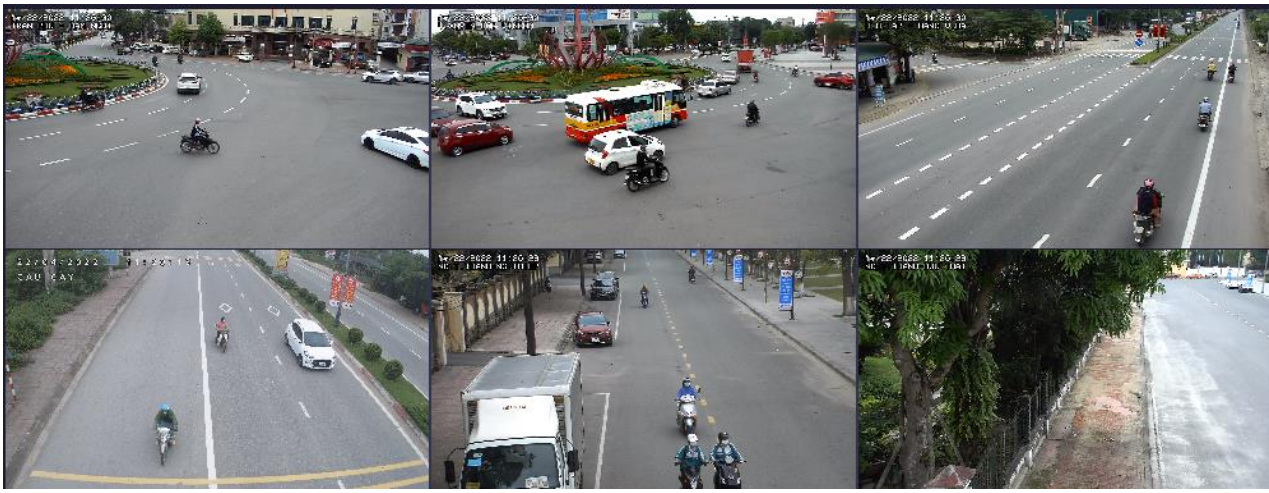

- Camera giao thông huyện Cẩm Xuyên

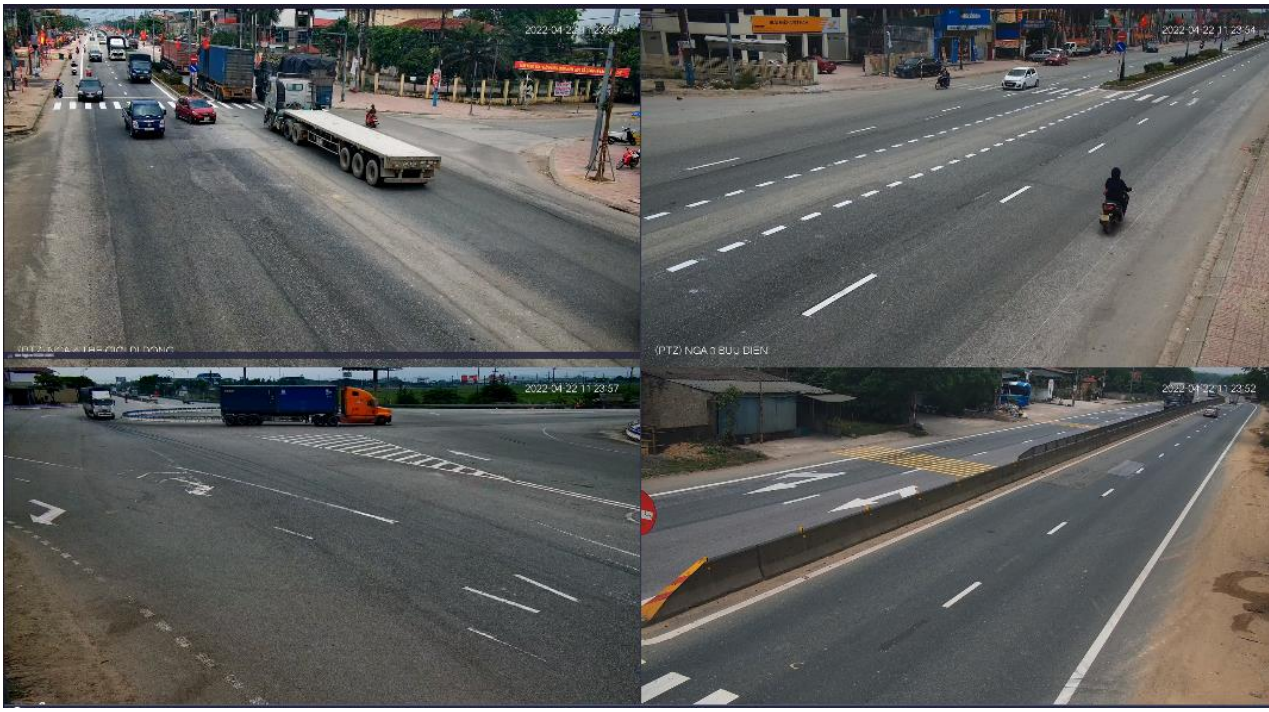

1.8. Bản đồ số ngành Công thương

Bản đồ được liên kết từ trang http://congthuonghatinh.com/ của Sở Công Thương Hà Tĩnh.

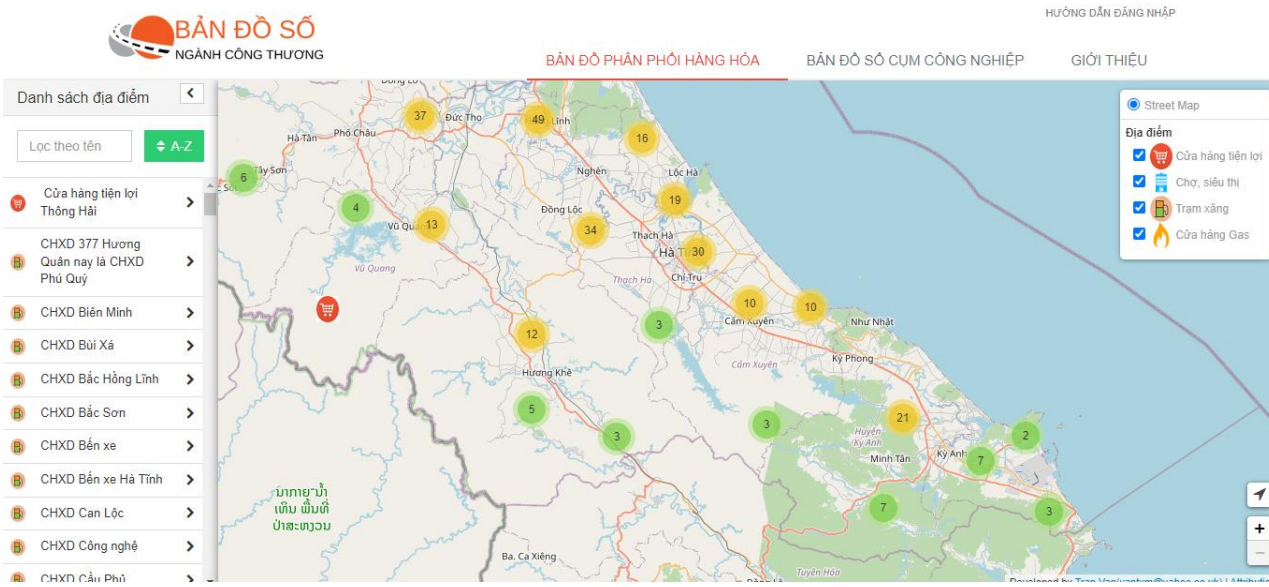

2. Các phân hệ trên App IOC của tỉnh:

- Hiện tại đang triển khai 6 phân hệ: Kinh tế xã hội, Hành chính công, Quản lý Văn bản, Y tế, Giáo dục, Lưu trú. Cơ sở dữ liệu từ App IOC sẽ được đồng bộ cùng hệ thống hiển thị IOC. Các biểu đồ hiển thị sẽ được rút gọn, chỉ hiển thị các chỉ số quan trọng nhất và tổng quát nhất:

+ Kinh tế xã hội: Thu ngân sách, chi ngân sách, giải ngân vốn đầu tư công, kim ngạch xuất khẩu, kim ngạch nhập khẩu...;

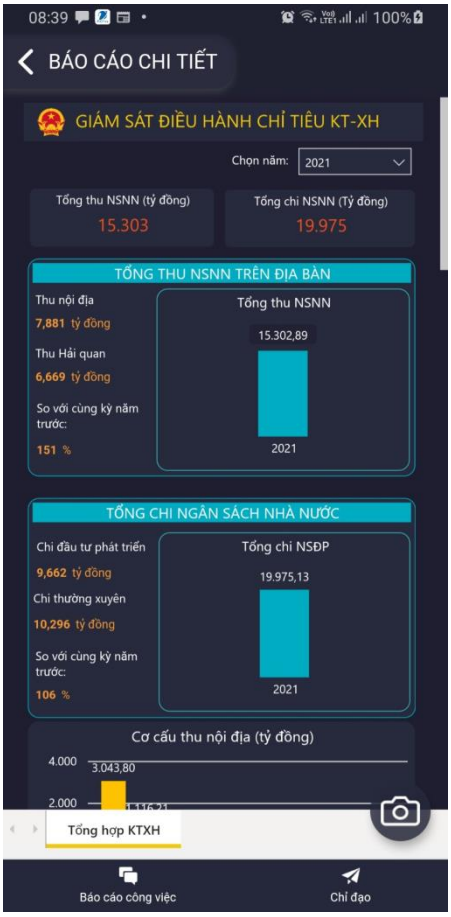

+ Hành chính công: Tổng số hồ sơ chưa giải quyết, giải quyết đúng hạn, quá hạn...

+ Văn bản điện tử: Tổng văn bản đến, văn bản đi, văn bản ký số, tình hình các đơn vị chưa xử lý...

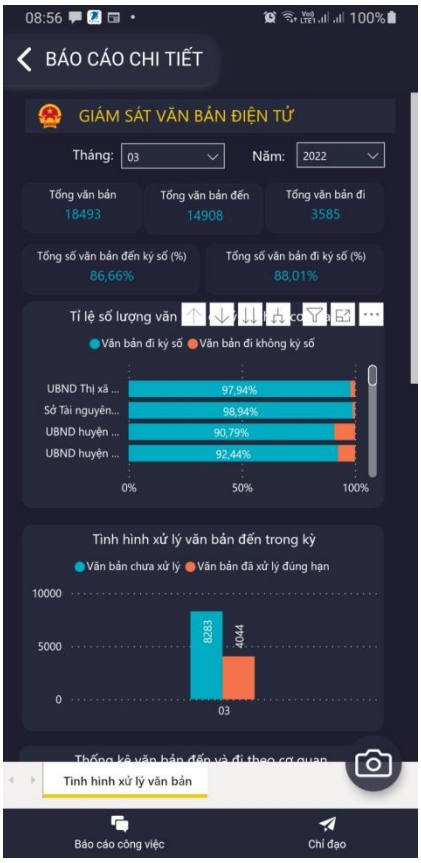

+ Y tế: Số lượng vào viện, ra viện, lượt cấp cứu, số đơn vị có lượt khám cao trong ngày, số nhóm bệnh có lượt khám cao....

+ Giáo dục: Thống kê số lượng học sinh, giáo viên, số trường, trường chuẩn quốc gia, tỷ lệ xếp loại học sinh, số học sinh các cấp...

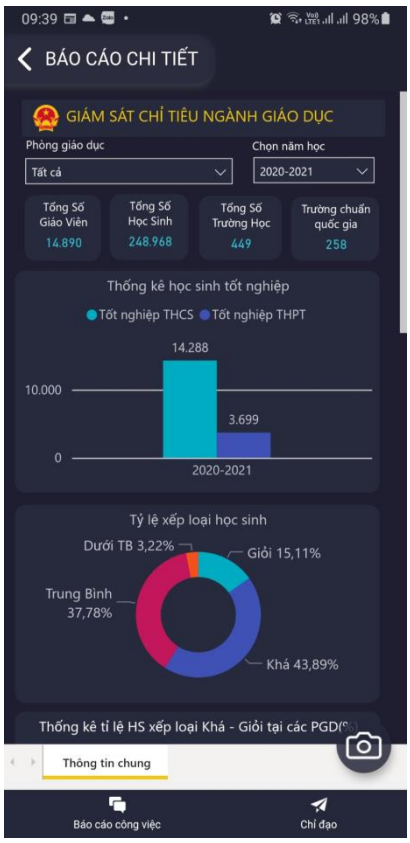

+ Lưu trú: Tổng cơ sở lưu trú trên địa bàn, số nhà nghỉ, khách sạn, số khác, tỷ lệ giữa các đơn vị hành chính...

- Từ các số liệu hiện thị trên App IOC, phần mềm sẽ hỗ trợ lãnh đạo «Chỉ đạo» công việc cho các đơn vị còn chậm trễ, không hoàn thành tiến độ, giải trình số liệu sai hoặc chưa cập nhập...

- Chỉ đạo công việc sẽ giao cho các đơn vị, cá nhân chịu trách nhiệm về các Số liệu trên IOC, ngoài ra App còn hỗ trợ nhiều chức năng khác như:

Người dùng có thể thao tác tạo mới các công việc, xem, sửa, xóa, xử lý các công việc được phân vào các mục:

(1) Công việc của tôi: Là các công việc người dùng được giao, công việc người dùng có liên quan và công việc người dùng đang theo dõi;

(2) Danh sách công việc: toàn bộ các công việc có trong dự án;

(3) Công việc mới: là các công việc trong dự án có trạng thái mới (chưa được xử lý);

(4) Công việc đang xử lý: là các công việc trong dự án đang được xử lý;

(5) Công việc quá hạn: danh sách các công việc trong dự án đã được xử lý nhưng quá hạn, chưa được xử lý và đã quá hạn;

(6) Công việc liên quan: các công việc người dùng có liên quan;

(7) Danh sách vấn đề: Danh sách các vấn đề để người dùng có thể;

(8) Dòng thời gian: nhật ký hoạt động của dự án, là các công việc, chỉ đạo, hoạt động báo cáo hay các thay đổi được sắp xếp từ mốc thời gian gần nhất.